

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Kim Chi
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VẠN TÀI THÙY DƯƠNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Vũ Thị Kim Chi

Giảng viên hướng dẫn :ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên : Vũ Thị Kim Chi

MSV: 1213401093

Lớp : QTL 603K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại
và vận tải Thùy Dương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.
- Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về thực trạng hiện tại tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.

3. Địa điểm thực tập.

- Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương
- Số 17 Hồ Sen - Trại Cau- Lê Chân- Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên : Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn :

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên :

Học hàm, học vị :

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn :

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 26 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhận nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu ...):

- Về mặt lý luận : tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.3 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.3.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.3.2 Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.....	4
1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	7
1.4.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp	12
1.4.1.3 Kế toán thu nhập khác.....	13
1.4.1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	15
1.4.2 Kế toán chi phí.....	16
1.4.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.4.2.3 Kế toán chi phí của hoạt động tài chính.....	20
1.4.2.4 Kế toán chi phí khác.....	21
1.4.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	23
1.4.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THÙY DƯƠNG	26

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.....	26
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.....	26
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	27
2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	28
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.....	29
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.....	29
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần dịch vụ và vận tải Thùy Dương	30
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	32
2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.....	32
2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	32
2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	41
2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác	44
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	49
2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	49
2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	56
2.2.2.3 . Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	61
2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác	65
2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh	70
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THÙY DƯƠNG.	81
3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	81
3.1.1: Kết quả đạt được:	81

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	81
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	82
3.1.2. Hạn chế.....	83
3.1.2.1. Về chứng từ sử dụng:	83
3.1.2.2. Về tài khoản sử dụng:	83
3.1.2.3. Về sổ sách sử dụng:.....	83
3.1.2.4 Về quy trình luân chuyển chứng từ.....	83
3.1.2.5 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:	83
3.1.2.6 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại	84
3.1.2.7 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:	84
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.....	84
3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:	84
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.	85
3.2.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán	85
3.2.2.2 Hoàn thiện tài khoản sử dụng.....	85
3.2.2.3 Hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	86
3.1.2.4 Về quy trình luân chuyển chứng từ.....	90
3.2.2.5 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán	91
3.2.2.6 Về việc áp dụng chiết khấu thương mại (đối với lĩnh vực kinh doanh hàng hóa)	92
3.2.2.7 Về việc sử dụng phần mềm kế toán	93
KẾT LUẬN	98

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới. Điều đó đã mở ra vô vàn những cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt được các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chính xác. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp và các tổ chức tài chính.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên cùng với việc vận dụng lý luận đã được học tại trường lớp kết hợp với thực tế thu nhận được trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương” để làm khóa luận tốt nghiệp. Khóa luận gồm 3 chương:

CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

CHƯƠNG 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Em xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng cùng các anh chị trong phòng kế toán của công ty Thùy Dương đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận .

Sinh viên

Vũ Thị Kim Chi

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1 Vai trò và ý nghĩa của kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định và xác định kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một trong những hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để kế toán phát huy được vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đối với các bên liên quan như sau:

- Đối với doanh nghiệp:

Công tác này giúp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp nhìn nhận, đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Trên cơ sở đó đưa ra những quyết định, phương hướng phát triển cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Đối với các nhà đầu tư:

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Để từ đó đưa ra những quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

- Đối với các trung gian tài chính:

Đối với ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính nhằm đưa ra quyết định có nên cho vay hay không đối với doanh nghiệp đó.

- Đối với nhà nước:
 - Cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia từ số liệu về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, nhà nước đảm bảo điều kiện về chính trị- an ninh- xã hội tốt nhất, tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng.
 - Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
 - Đối với DN có nguồn vốn nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của nhà nước không bị thất thoát.

- Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế:

Nó giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để phát huy được vai trò công cụ quản lý kinh tế của kế toán thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ:

- Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, quy cách, kiểu cỡ, giá cả của các loại hàng mua, hàng bán và thời điểm mua hàng, bán hàng theo từng phương thức mua, bán hàng từng hợp đồng, đơn đặt hàng, từng khách hàng, loại hàng và tình hình thanh toán tiền hàng.
- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán.. Từ đó đưa ra các

kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời theo dõi các khoản phải thu khách hàng.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh, xác lập quá trình luân chuyển chứng từ
- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin về mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1 Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- **Chi phí:** Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, hoạt động khác mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.
- **Kết quả kinh doanh:** là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

1.3.2 Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính

- Hoạt động khác

- **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả} \qquad \text{Doanh thu thuần} \qquad \text{Giá vốn} \qquad \text{Chi phí quản lý kinh} \\ \text{hoạt động} = \text{và cung cấp DV} \quad - \text{ hàng bán} \quad - \text{ doanh (gồm CP QLDN} \\ \text{SXKD} \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \qquad \text{và CP bán hàng)} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \quad = \text{Doanh thu bán hàng và} \quad - \quad \text{Các khoản giảm} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \quad \text{cung cấp dịch vụ} \qquad \qquad \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

+) **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là tổng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

+) **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng* tính theo phương pháp trực tiếp
- *Chiết khấu thương mại:* là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng có số lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán:* là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo qui định trong hợp đồng.
- *Giá trị hàng bán bị trả lại:* là giá trị sản phẩm, hàng hóa hay đã xác định là tiêu thụ trong kỳ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

+) **Giá vốn hàng bán:** là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu

thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

+) **Chi phí quản lý kinh doanh:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- *Chi phí bán hàng:* là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp:* là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & = & \text{Doanh thu hoạt động} & - & \text{Chi phí hoạt động} \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} & & \text{tài chính} \end{array}$$

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán..khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.. nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn,tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả kinh kinh doanh của doanh nghiệp

- **Hoạt động khác:** là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- **Chi phí khác:** là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Bán hàng và công bố theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ

phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, thuế xuất khẩu)

- Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- **Các phương thức bán hàng**

Căn cứ vào thời điểm và phương thức thanh toán tiền của người mua mà người ta có thể chia ra thành các phương thức bán hàng như sau:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp gồm bán buôn và bán lẻ:

+ Bán buôn: là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Bán buôn thường là bán khối lượng lớn, theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức gửi hàng*: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngày từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của hàng hóa vật tư tương ứng trên thị trường

• **Chứng từ sử dụng**

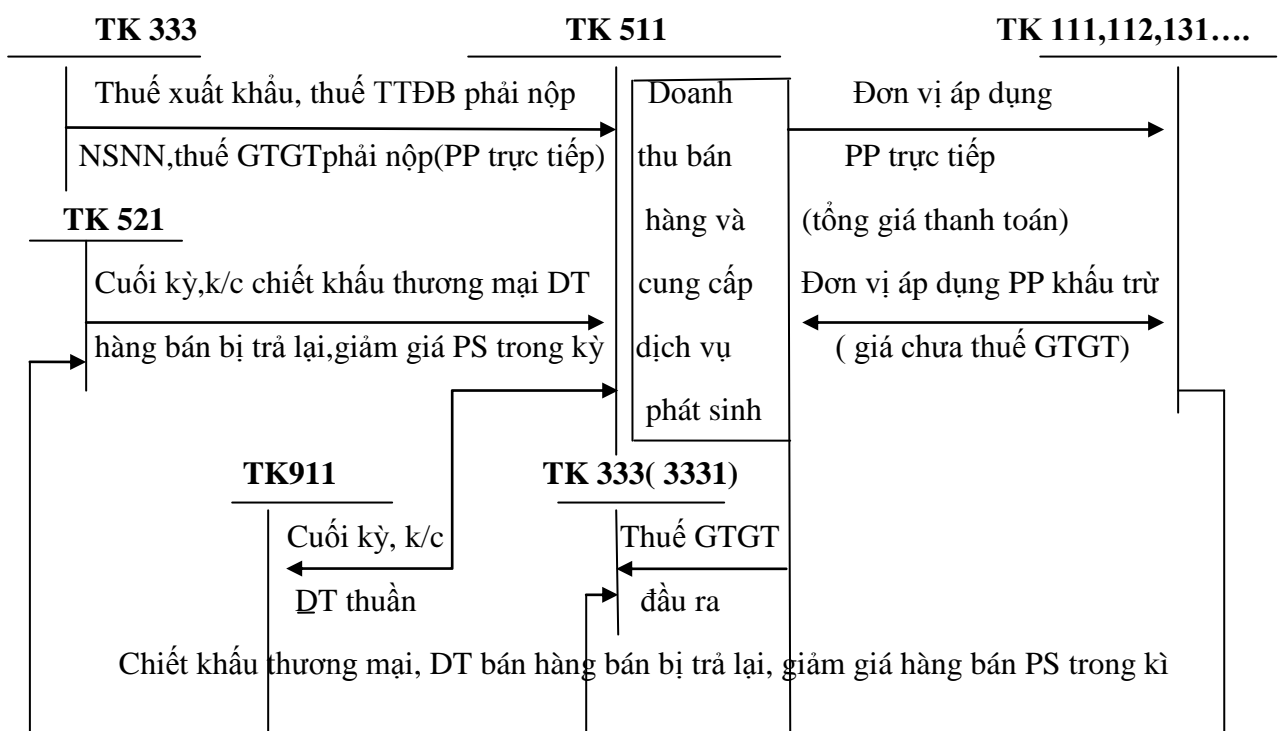
- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

• **Tài khoản sử dụng**

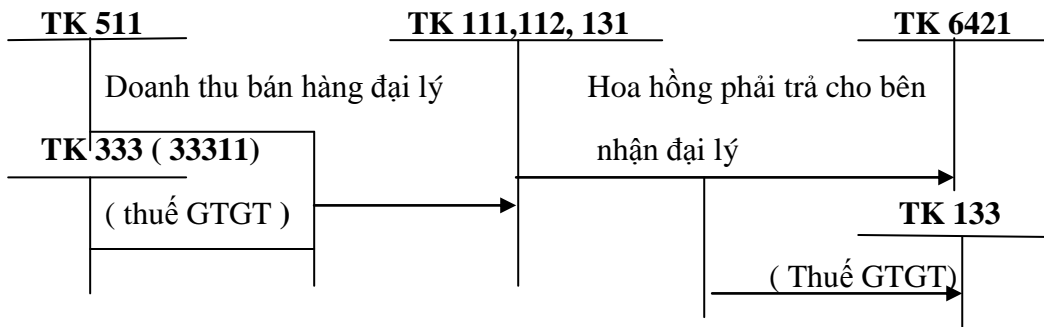
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - + TK 5118: Doanh thu khác

• **Phương pháp hạch toán**

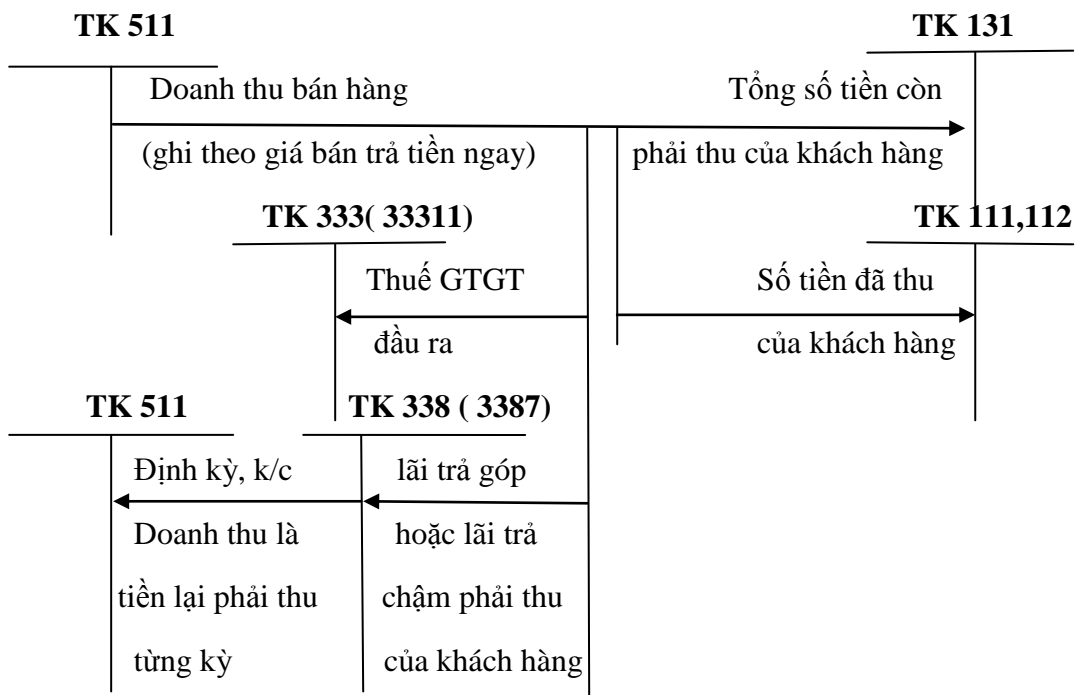
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp



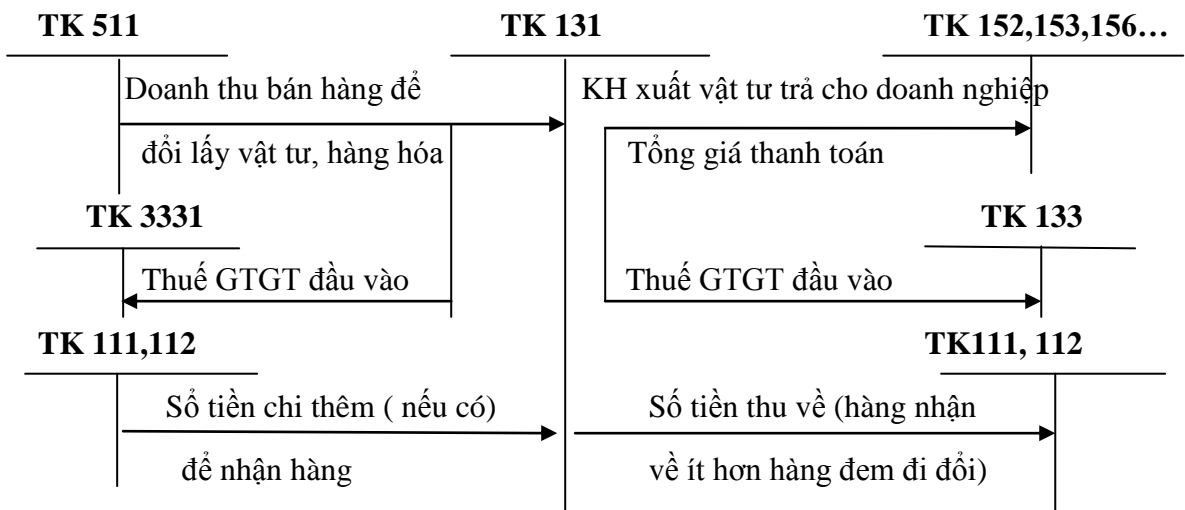
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



Sơ đồ 1.4 Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng

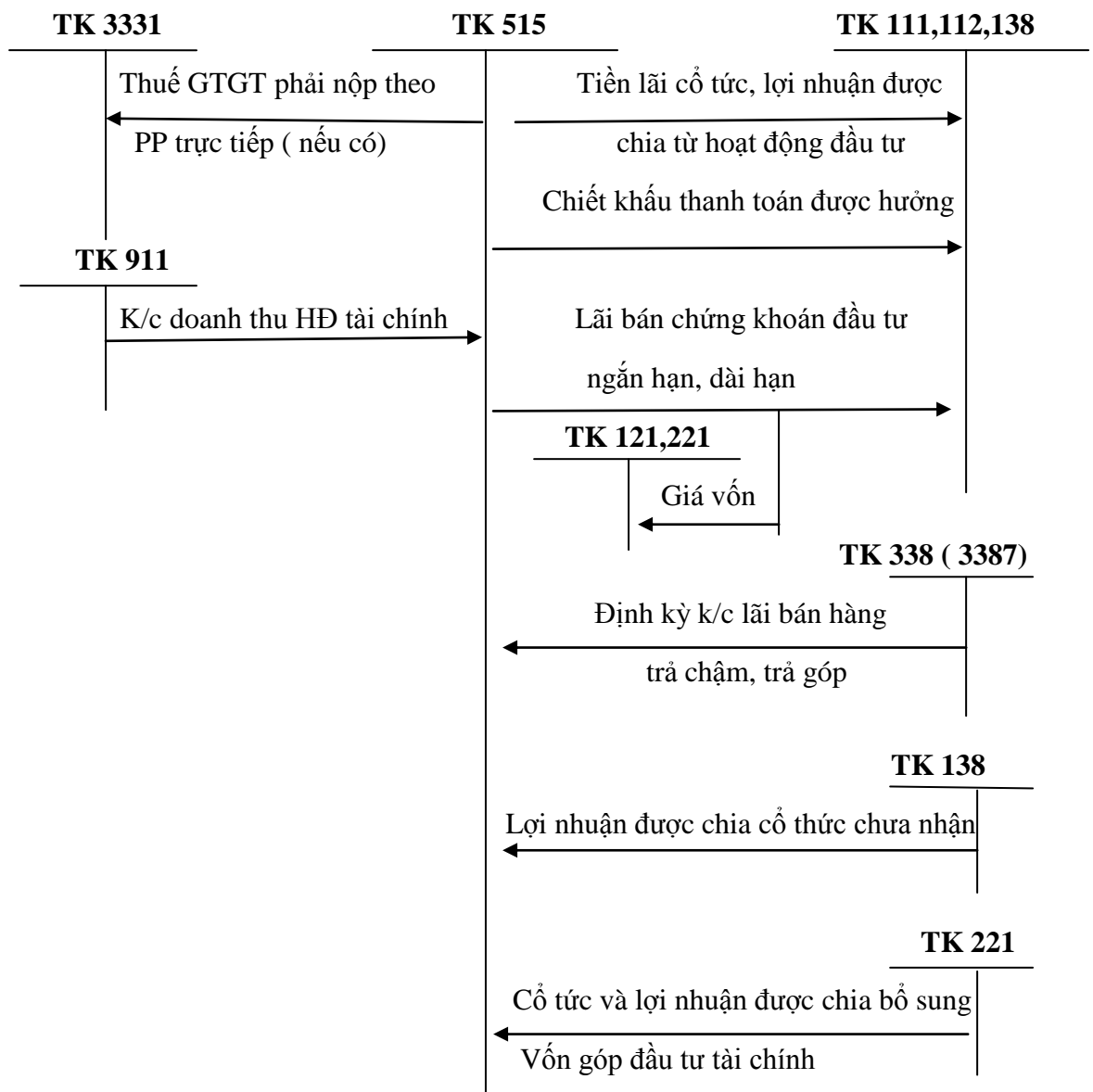


1.4.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, lãi góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ..
- Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vốn khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác..
 - **Chứng từ sử dụng**
 - Giấy báo lãi, giấy báo có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán, Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan
 - **Tài khoản sử dụng TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính**
 - **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được, các khoản thuế được NSNN hoàn lại, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, ...

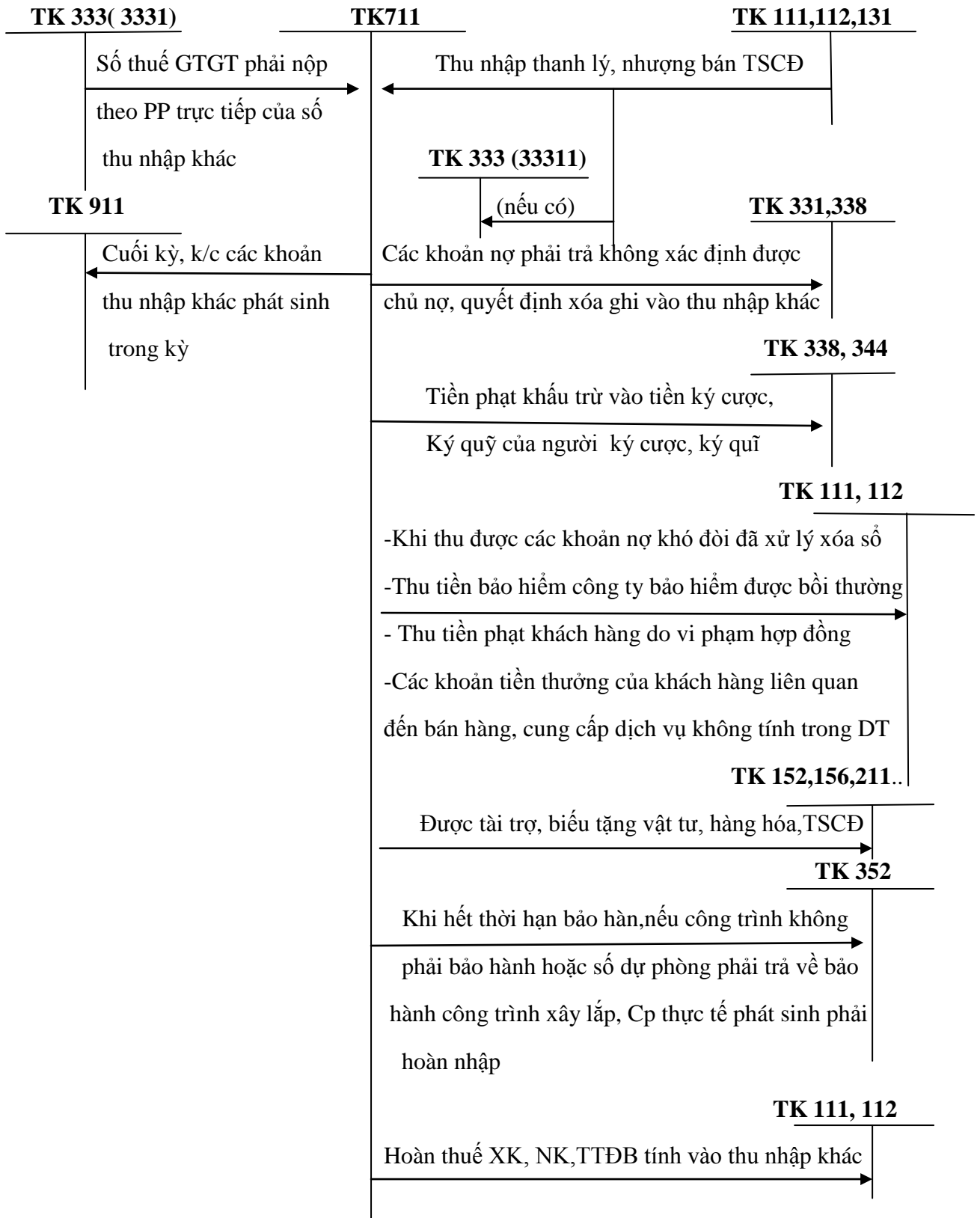
• **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

- Các chứng từ liên quan như: biên bản thanh lý TSCĐ, hợp đồng kinh tế

- **Tài khoản sử dụng:** TK 711 “ Thu nhập khác
- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong tài khoản 521 bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà người bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng vì lý do người mua hàng với khối lượng lớn.
- Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai qui cách theo qui định trong hợp đồng kinh tế.
- + Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào doanh thu của tất cả các hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam.
- + Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào doanh thu của doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng mà nhà nước không khuyến khích sản xuất, cần hạn chế tiêu dùng vì không phục vụ thiết thực cho đời sống xã hội.
- + Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ: là số thuế mà doanh nghiệp phải nộp tính trên doanh thu của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ theo mức thuế suất đã quy định, đã hạch toán toàn bộ vào doanh thu.

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: phiếu nhập kho hàng bị trả lại

- **Tài khoản sử dụng**

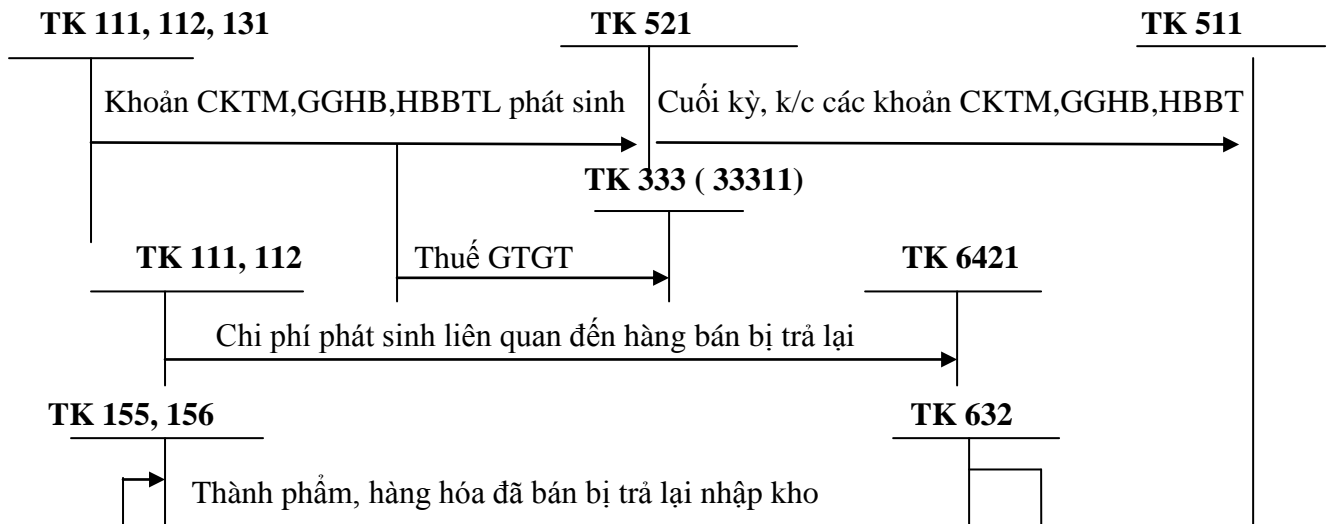
Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

- Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2:
- TK 5211- *Chiết khấu thương mại*
 - TK 5212- *Hàng bị trả lại*
 - TK 5213- *Giảm giá hàng bán*

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.7: Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

+ Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



1.4.2 Kế toán chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến giảm vốn chủ sở hữu.

1.4.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ giá vốn bao gồm giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ. Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho

+ *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ

+ *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế nhưng tốn nhiều sức vì tính toán nhiều.

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này, kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

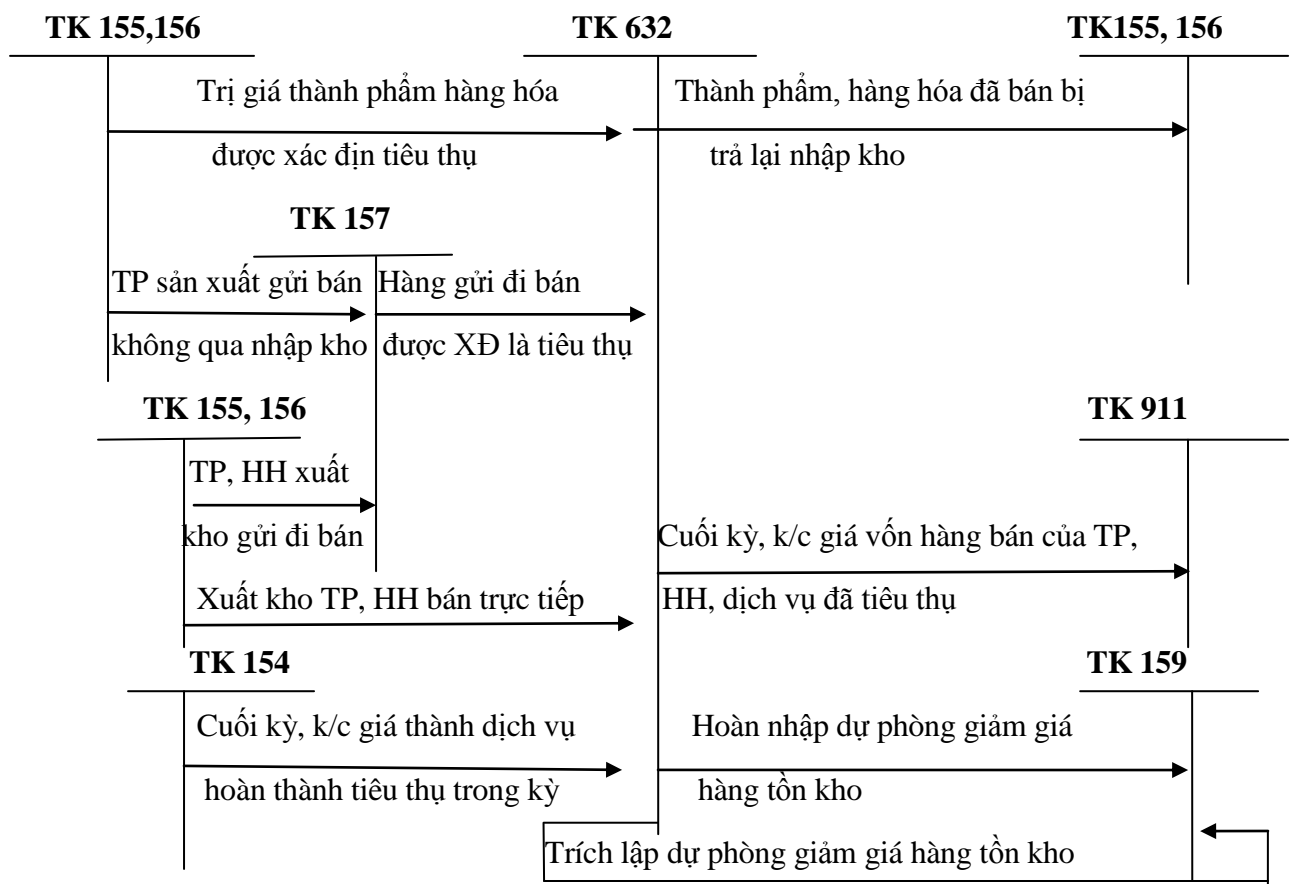
Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ. Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

- **Phương pháp thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó. Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng.

- **Chứng từ sử dụng**
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ khác có liên quan
 - **Tài khoản sử dụng:** TK 632: Giá vốn hàng bán
- + Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên: Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của hàng hóa trên từng khoản kế toán theo từng chứng từ nhập-xuất.
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



1.4.2.2 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thu phí và lệ phí, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng tính và phân bổ KH
- Bảng tính và phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng**

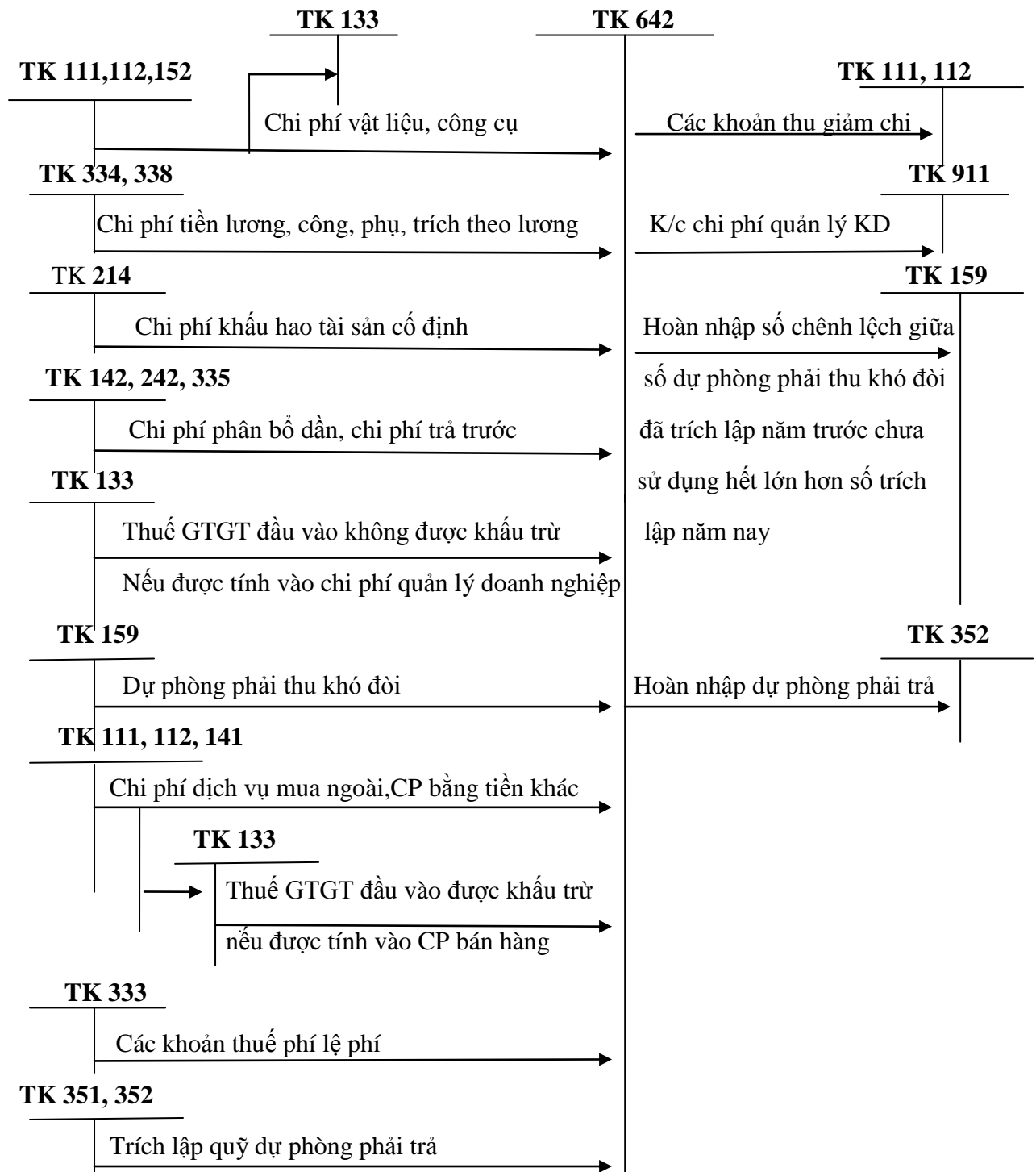
TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Các tài khoản chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:

- + TK 6421- “ Chi phí bán hàng”
- + TK 6422 -“ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

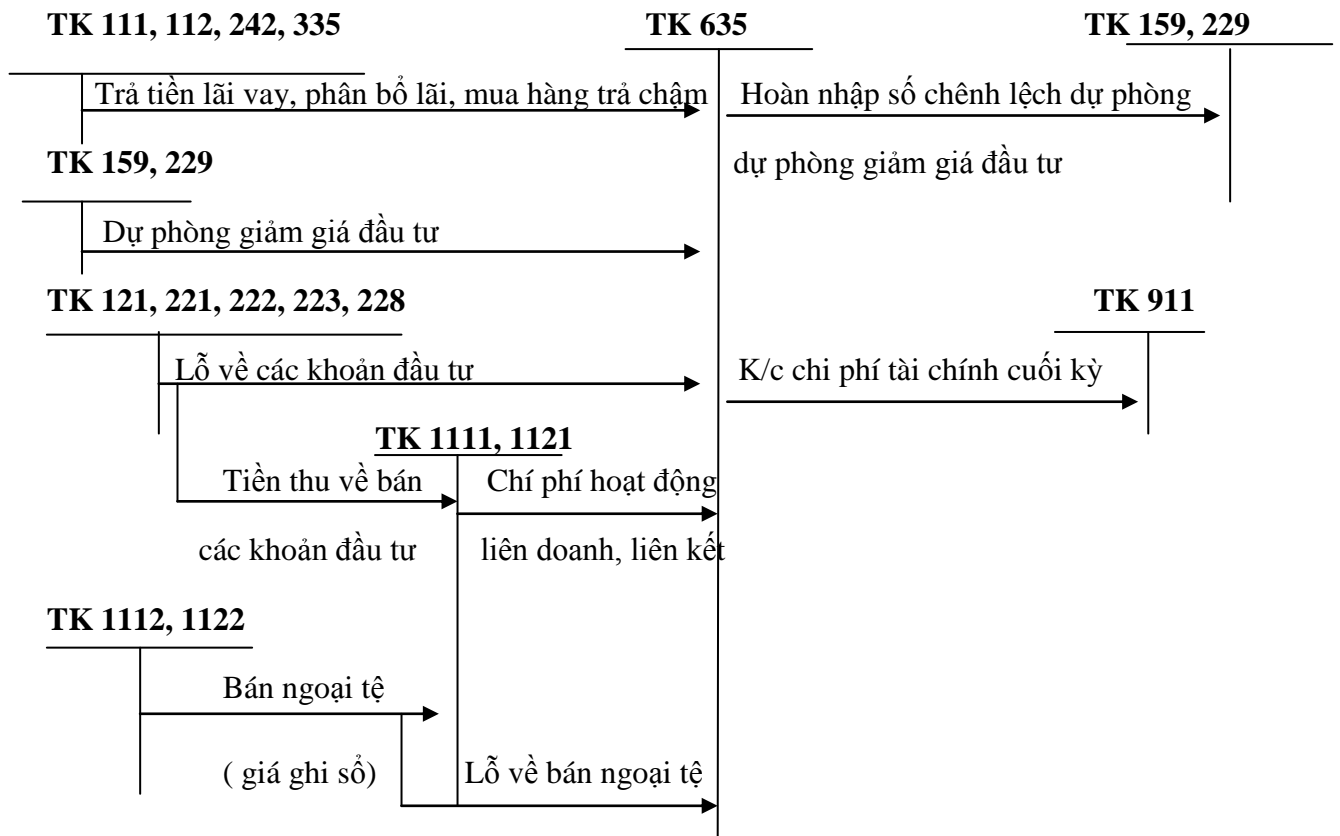


1.4.2.3 Tổ chức kế toán chi phí của hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính: gồm các khoản chi phí đầu tư tài chính hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu chi, phiếu kế toán
 - Giấy báo có
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng:** TK 635: Chi phí tài chính
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.2.4 Kế toán chi phí khác

Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót.

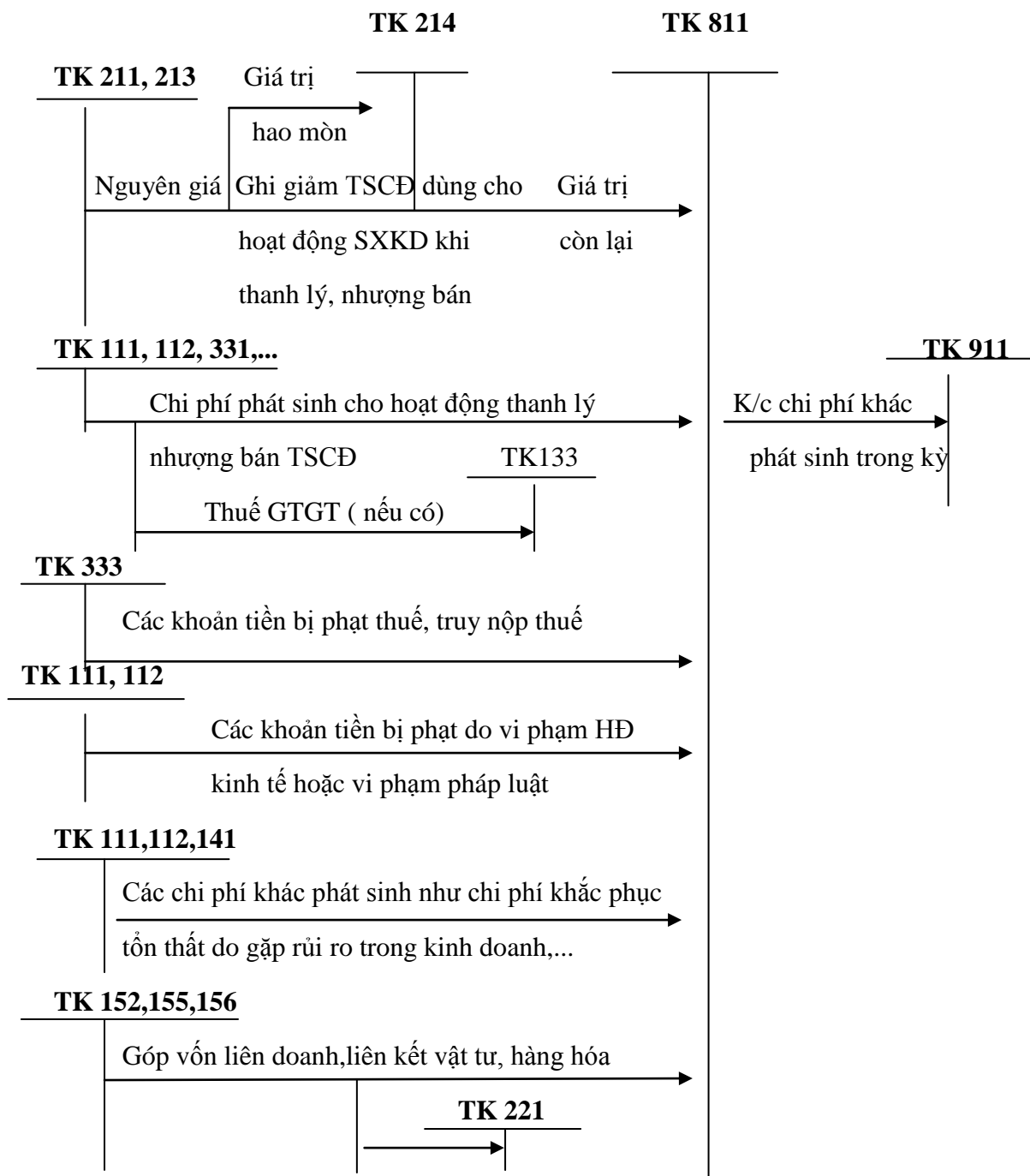
• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

• **Tài khoản sử dụng** TK 811: Chi phí khác

• **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.4.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp: là một loại thuế trực thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh trong năm tài chính hiện tại

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

- **Tài khoản sử dụng**

TK 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

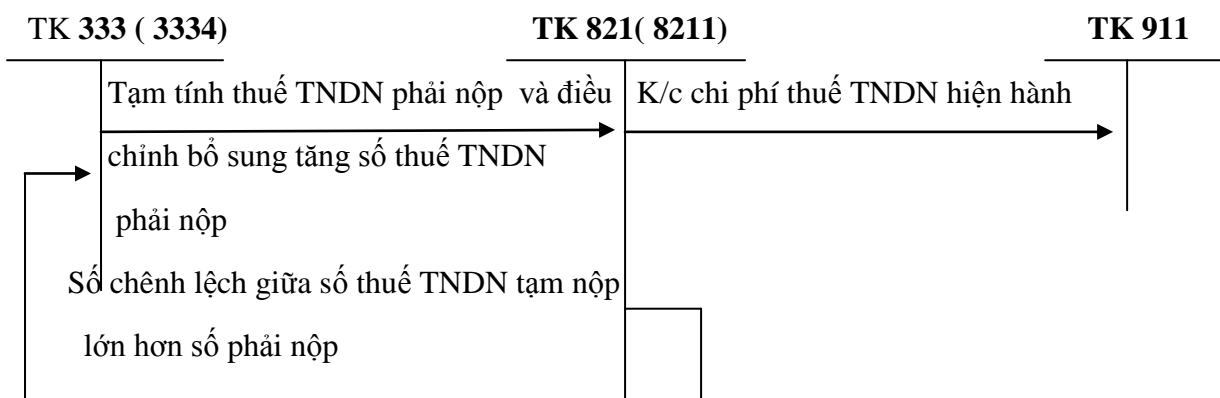
Các tài khoản cấp 2:

- TK 8211-“ Chi phí thuế TNDN hiện hành”

- TK 8212-“ Chi phí thuế TNDN hoãn lại”

- **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



1.4.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh : là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong một kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã xảy ra trong doanh nghiệp.

Nếu tổng doanh thu lớn hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu tổng doanh thu nhỏ hơn tổng chi phí thì doanh nghiệp lỗ.

Chứng từ sử dụng:

-Phiếu kế toán

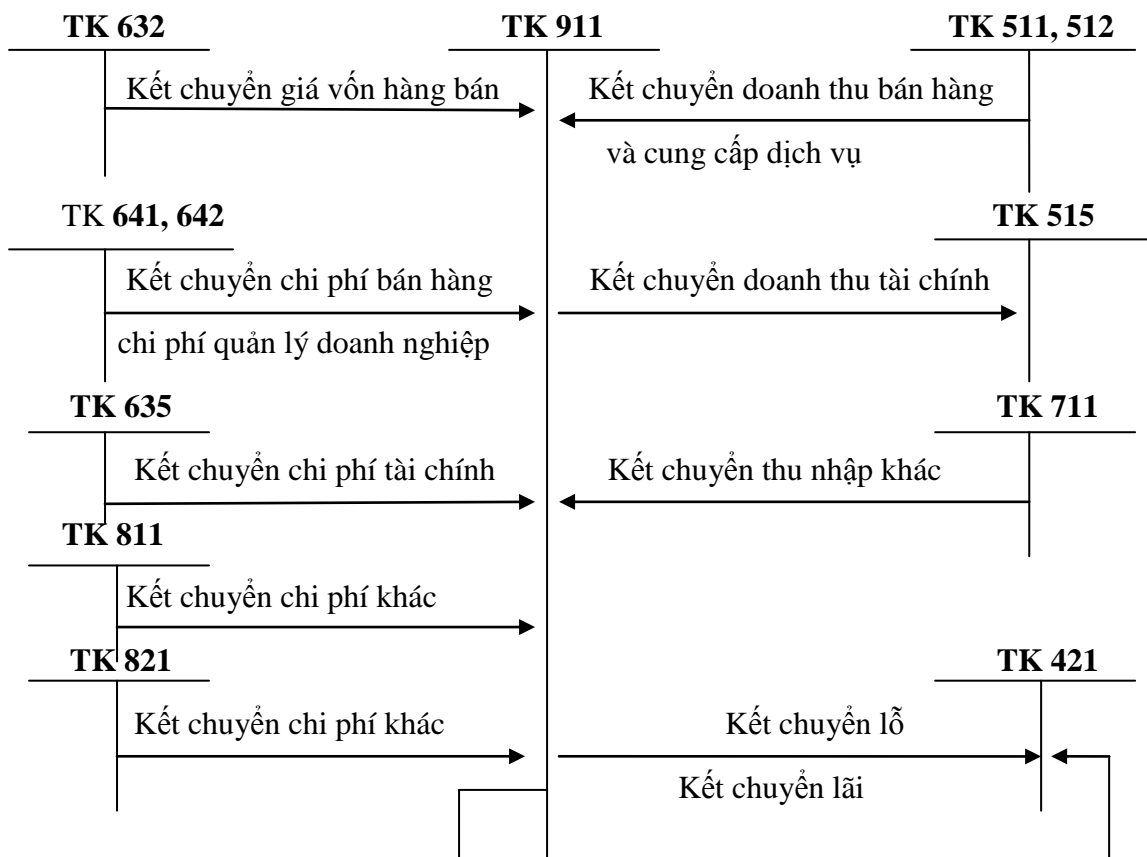
• **Tài khoản sử dụng:**

TK 911-“ xác định kết quả kinh doanh”

TK 911 dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

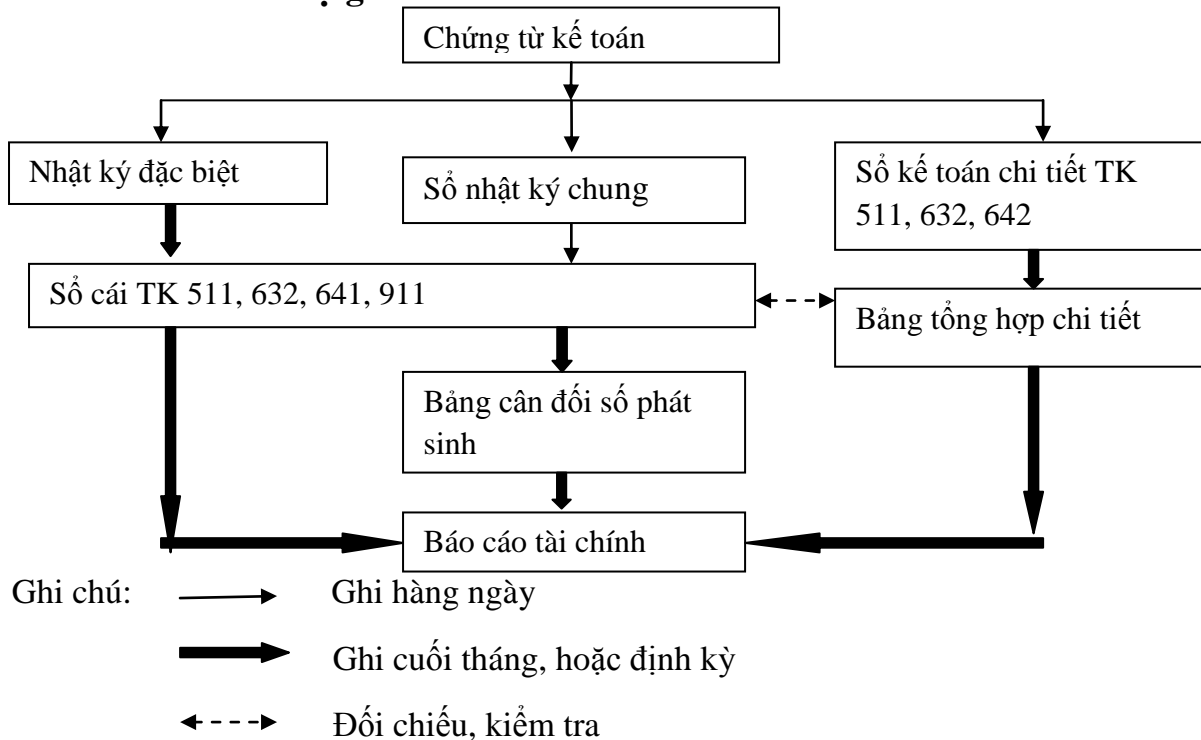
- **Đặc trưng cơ bản:**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

- **Các loại sổ chủ yếu:**

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC



CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THÙY DƯƠNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

- Tên công ty viết bằng tiếng việt: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: Thuy Duong transport and trading service joint stock company
- Trụ sở chính: Số 17 phố Hồ Sen, phường Trại Cau, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Văn phòng giao dịch: 705 tòa tháp B TD Plaza, Hải Phòng
- Điện thoại: 031.3848747 -Mã số thuế: 0200785806
- Người đại diện: ông Mai Văn Đệ
- Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương ra đời hoạt động từ năm 2008.

Công ty được đăng ký kinh doanh theo số 0200785806 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 09 tháng 1 năm 2008.

Trong thời gian hoạt động công ty đã thay đổi kinh doanh lần thứ 6 vào ngày 15 tháng 11 năm 2013 do thêm ngành nghề kinh doanh và do tăng vốn kinh doanh.

- Vốn điều lệ năm 2008: 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng)
năm 2009: 1.900.000.000 đồng (một tỷ chín trăm triệu đồng)
năm 2011: 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng)
năm 2013: 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

- Tổng số cổ phần: 100.000

- Thu nhập bình quân năm 2013: khoảng 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng)

Khi mới bắt đầu bước vào kinh doanh công ty không tránh khỏi những khó khăn ban đầu kể cả về vật chất lẫn con người. Tuy vậy đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong công ty đã phấn đấu nỗ lực, được đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ để công ty nhanh chóng thâm nhập vào thị trường và từng bước tăng trưởng.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Ngành, nghề kinh doanh của công ty là:

- + Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- + Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị
- + Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- + Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, thiết bị dùng trong mạch điện)
- + Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn đồ điện gia dụng: bộ đèn điện, thiết bị vệ sinh, gạch. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế, đồ dùng nội thất)
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa
- + Bốc xếp hàng hóa
- + Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- + Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (dịch vụ kê khai thuê hải quan, dịch vụ logistics, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ giao nhận, nâng cẩu hàng hóa, dịch vụ môi giới thuê tàu biển)

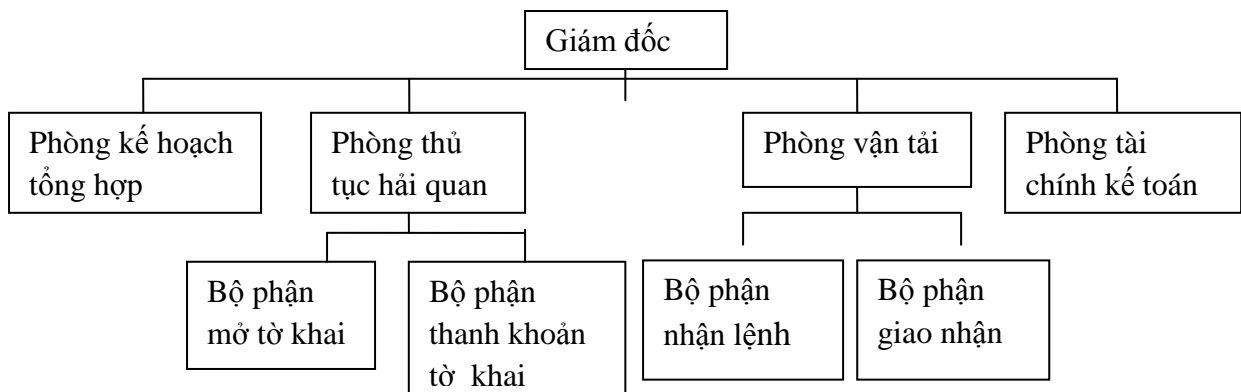
.....

Trong đó chủ yếu là ngành bán buôn, xuất nhập khẩu hàng hóa, máy móc và vận tải hàng hóa.

2.1.3: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào việc tổ chức bộ máy quản lý hết sức cần thiết và không thể thiếu được nó đảm bảo tính chặt chẽ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Các bộ phận trong bộ máy quản lý phải có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau, được phân cấp trách nhiệm và quyền hạn đảm bảo chức năng quản lý và điều hành của Chi nhánh công ty.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận:

- Giám đốc :
 - Là người đứng đầu công ty, có quyền quyết định việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch kinh doanh, chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty, có quyền quyết định về tổ chức bộ máy và lựa chọn, quy hoạch cán bộ theo phân cấp quản lý.
 - Có trách nhiệm ban hành các nội quy, quy chế của công ty, có quyền quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích hoặc xử lý kỷ luật người lao động vì vi phạm nội quy, quy chế của công ty theo quy định nhà nước.

- Các phòng và đội:

1. Phòng kế hoạch tổng hợp:

- Có chức năng tìm kiếm thông tin hàng hóa, tìm kiếm đối tác, bạn hàng cho công ty như marketing, quảng cáo về công ty của mình cho khách hàng biết.
- Tìm kiếm dự án để lập dự án kế hoạch cho công ty, lập kế hoạch hàng ngày hàng đi hàng về, sau đó trình lên ban giám đốc và các phòng ban khác có liên quan để có ý kiến chỉ đạo thực thi sao cho có hiệu quả và đúng tiến độ.

2. *Phòng thủ tục hải quan:* Sau khi đã xác định được hàng hóa thì sẽ tiến hành mở tờ khai thủ tục hải quan cho loại hàng đó để nhập hoặc xuất hàng hóa đó trong ngày.

3. *Phòng vận tải:* Sau khi mở tờ khai hải quan cho hàng hóa, bộ phận vận tải sẽ có nhiệm vụ lấy, giao nhận hàng ở cảng, sau đó sẽ chuyển đến địa điểm, nơi cần giao theo yêu cầu

4. *Phòng tài chính kế toán:*

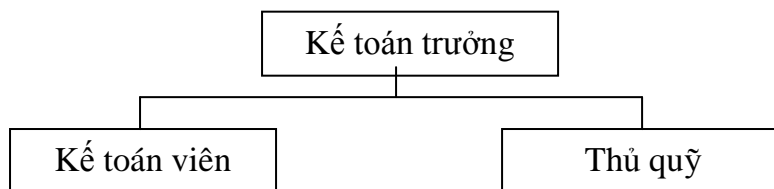
- Có nhiệm vụ hạch toán tài vụ cũng như quá trình kinh doanh của công ty
- Tổ chức thực hiện việc ghi chép, xử lý cung cấp số liệu về tình hình kinh tế, tài chính. Phân phối giám sát vốn, giám sát và hướng dẫn nghiệp vụ đối với những người làm công tác kế toán trong công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Phòng kế toán có chức năng thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ bí mật các tài liệu kế toán, tổ chức thi hành các chế độ tài chính kế toán của nhà nước.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- Kế toán trưởng:

-Là người đứng đầu bộ máy kế toán của chi nhánh công ty, là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của chi nhánh công ty.

-Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu tổng hợp các số liệu, thực hiện các bút toán kết chuyển, khóa sổ kế toán cuối năm, xác định kết quả hoạt động kinh doanh, lập báo cáo tài chính.

-Cung cấp thông tin, số liệu kế toán cho giám đốc và cho các cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo.

- Kế toán viên:

- Kiểm tra và lập các chứng từ, viết phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, có trách nhiệm thanh toán tiền vay, tiền gửi ngân hàng, theo dõi các khoản vay, tạm ứng, thanh toán công nợ.

- Theo dõi, hạch toán vật tư hàng hóa nhập và xuất ra. Tổng hợp và tính toán doanh thu, phân bổ chi phí. Quản lý vốn bằng tiền, phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt của công ty

- Theo dõi thực hiện thanh toán tiền lương cho các đơn vị, kiểm tra đối chiếu các khoản trích nộp BHXH, theo dõi quản lý sử dụng TSCĐ, công cụ dịch vụ.

- Thủ quỹ:

- Có nhiệm vụ bảo quản tiền mặt, thu tiền và thanh toán chi trả cho các đối tượng theo những chứng từ được duyệt. Hàng tháng tổ chức đi thu tiền ở các tổ chức hay cá nhân còn thiếu và rút tiền mặt tài khoản ngân hàng về nhập quỹ.

- Hàng tháng vào sổ quỹ trên báo cáo quỹ, kiểm kê số tiền thực tế trong két phải khớp với số dư trên sổ quỹ, nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý tiền mặt.

2.1.4.2 Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần dịch vụ và vận tải Thùy Dương

- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Sổ nhật ký chung

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp thực tế đích danh

Hình thức sổ kế toán:

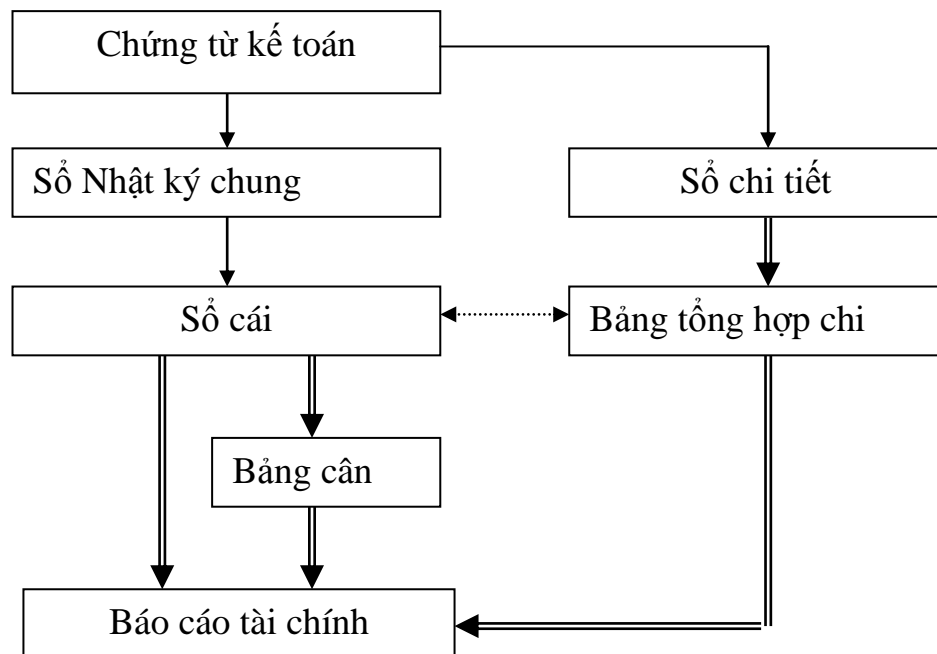
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách bao gồm: - Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản

Để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán, công ty áp dụng các báo cáo:

- | | |
|--|----------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B-01/DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B-02/DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B-03/DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B-09/DN |

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ←-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời ghi vào các sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối kỳ, từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu hạch toán
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có..
- Các chứng từ liên quan khác

- **Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó có tài khoản cấp 2:

- +TK 5111:Doanh thu bán hàng hóa (gạch, TBVS)
- +TK 5112:Doanh thu vận tải, dịch vụ vận tải
- + TK 5113: Doanh thu dịch vụ XNK hàng hóa
- + TK 5114: Doanh thu bán xe

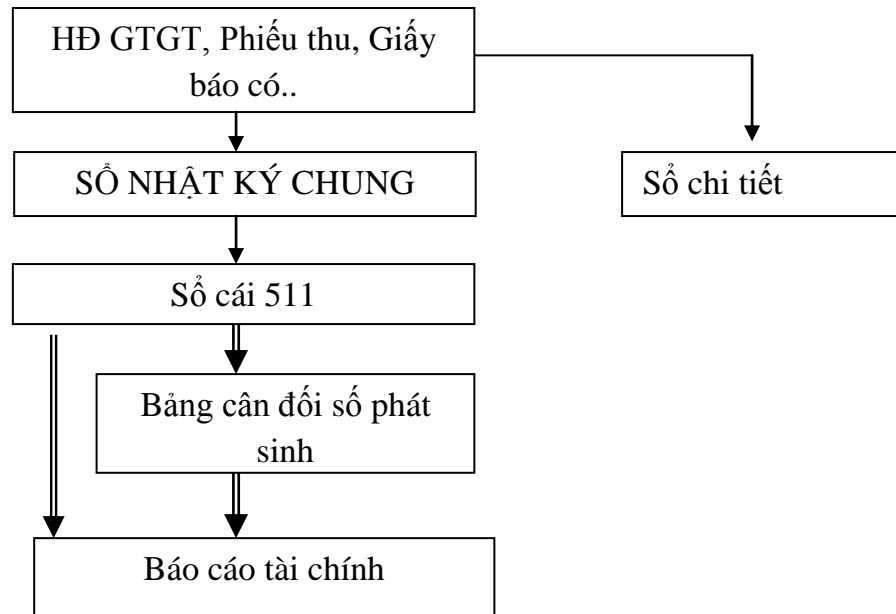
- **Phương thức bán hàng:** Bán hàng trực tiếp

- **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

• Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Chú thích:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2012 . Ghi nhận doanh thu bốc xếp đóng gói palet gỗ số tiền 31.680.000, chưa bao gồm thuế VAT10%, chưa thanh toán

Kế toán căn cứ vào HĐ GTGT số 0000632 ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái 511, sổ chi tiết doanh thu.

Biểu số 2.1 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000632

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001
Giá Trị Gia Tăng	Ký hiệu: AA/12P
Liên 3: Nội bộ	Số: 0000632
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	
Đơn vị bán hàng : Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	
MST : 0200785806	
Địa chỉ : Số 17 phố Hồ Sen, P.Trại Cau, Q. Lê Chân, Hải Phòng	
Số tài khoản	
Điện thoại : 031.3848747	
Họ tên người mua hàng :	
Tên đơn vị : Công ty TNHH nội thất Bảo Bình	
Địa chỉ : Số 41/295 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	
Số tài khoản :	
Hình thức thanh toán : MST : 0102459064	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Bóc xếp đóng gói palet gỗ				31.680.000
Cộng tiền hàng					31.680.000
Thuế suất thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					3.168.000
Tổng cộng tiền thanh toán					34.848.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi tư triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng (đã ký)	Người bán hàng (đã ký)	Thủ trưởng đơn vị (đã ký)
-----------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ2: Ngày 31/12/2012. Xuất hàng bán lẻ với giá bán chưa VAT 10% là 30.062.800, thu bằng tiền mặt.

Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán căn cứ vào HĐ GTGT 0000637 ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái 511, Sổ chi tiết doanh thu.

Biểu số 2.2: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000637

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001
Giá Trị Gia Tăng	Ký hiệu: AA/12P
Liên 3: Nội bộ	Số: 0000637
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	
Đơn vị bán hàng : Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương	
MST :	0200785806
Địa chỉ :	Số 17 phố Hồ Sen, P.Trại Cau, Q. Lê Chân, Hải Phòng
Số tài khoản :	
Điện thoại :	031.3848747
Họ tên người mua hàng :	khách lẻ
Tên đơn vị :	
Địa chỉ :	
Số tài khoản :	
Hình thức thanh toán :	Tiền mặt
	MST :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Hàng hóa bán lẻ theo bảng kê				30.062.800
Cộng tiền hàng					30.062.800
Thuế suất thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT					3.006.280
Tổng cộng tiền thanh toán					33.069.080

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi chín ngàn không trăm tám mươi đồng.

Người mua hàng (đã ký)	Người bán hàng (đã ký)	Thủ trưởng đơn vị (đã ký)
-----------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ trực tiếp cho người tiêu dùng

Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Địa chỉ: Số 17 Hồ Sen - Trại Cau - Lê Chân- HP

BẢNG KÊ BÁN LẺ

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRỰC TIẾP CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tên tổ chức cá nhân: khách lẻ

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Stt	Tên hàng hóa dịch vụ	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng tiền
1	Gạch men BM 3060	m2	18.54	220.000	4.078.800	407.880	4.486.680
2	Gạch men Bm 2540	m2	26.7	120.000	3.204.000	320.400	3.524.400
3	Gạch t/anh P87702	Hộp	21	480.000	10.080.000	1.008.000	11.088.000
4	Gạch t/anh P87702	Hộp	10	480.000	4.800.000	480.000	5.280.000
5	Gương DQ103	Cái	2	200.000	400.000	40.000	440.000
6	Sen BFV1003-2	Cái	5	1.050.000	5.250.000	525.000	5.775.000
7	Bê tông vữa	Cái	5	450.000	2.250.000	225.000	2.475.000
Tổng cộng					30.062.800	3.006.280	33.069.080

Người lập

Kế toán

Biểu số 2.4 : Phiếu thu

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số 01-TT

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-HP

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số : 194

Họ và tên người nộp tiền : khách lẻ

Nợ : TK 111

Có : TK 511,3331

Địa chỉ:

Lý do nộp: Doanh thu bán hàng hóa HĐ 637

Số tiền: 33.069.080

Viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu sáu mươi chín ngàn tám mươi đồng chẵn

Kèm theo:.....01..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Người nộp tiền
(đã ký)

Người lập phiếu
(đã ký)

Thủ quỹ
(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau –Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
31/12	HĐGTGT 0000632	31/12	Doanh thu bốc xếp đóng gói palet gỗ HĐ632	131 5112	31.680.000	31.680.000
31/12	HĐGTGT 0000632	31/12	Thuế GTGT HĐ632	131 3331	3.168.000	3.168.000
.....
31/12	PT 194	31/12	Doanh thu bán hàng hóa HĐ637	1111 5111	30.062.800	30.062.800
31/12	PT 194	31/12	Thuế GTGT HĐ637	1111 3331	3.006.280	3.006.280
31/12	PX 06/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ637	6321 156	28.190.666	28.190.666
...
31/12	HT	31/12	Kc DT bán hàng hóa năm 2012	5111 911	1.653.109.243	1.653.109.243
31/12	HT	31/12	Kc DT dịch vụ vận tải năm 2012	5112 911	10.010.847.275	10.010.847.275
31/12	HT	31/12	Kc DT làm hàng TNTX năm 2012	5113 911	630.400.518	630.400.518
31/12	HT	31/12	Kc DT bán xe năm 2012	5114 911	250.000.000	250.000.000
....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.0136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6 : Sổ cái TK 511

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
....
31/12	HD 632	31/12	Doanh thu bốc xếp đóng gói palet gỗ HD 632	131		31.680.000
31/12	PT 194	31/12	Doanh thu bán hàng HD637	111		30.062.800
31/12	HT	31/12	Kc doanh thu bán hàng hóa năm 2012	911	1.653.109.243	
31/12	HT	31/12	Kc doanh thu dịch vụ vận tải năm 2012	911	10.010.847.275	
31/12	HT	31/12	Kc doanh thu làm hàng TNTX năm 2012	911	630.400.518	
31/12	HT	31/12	Kc doanh thu bán xe năm 2012	911	250.000.000	
			Cộng số phát sinh		12.544.357.036	12.544.357.036
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7 : Sổ chi tiết TK 5111

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương
17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: **5111** Tên tài khoản: Doanh thu hàng hóa (gạch, TBVS)

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
16/11	PT178	16/11	DT bán hàng HĐ462	1111		6.640.909
30/11	PT182	30/11	DT bán hàng HĐ567	1111		17.750.400
15/12	HĐ572	15/12	DT bán hàng HĐ572	131		114.000.000
18/12	HĐ576	18/12	DT bán hàng HĐ576	131		12.523.500
18/12	PT189	18/12	DT bán hàng HĐ577	1111		5.500.000
31/12	HĐ635	31/12	DT bán hàng HĐ635	131		22.954.356
31/12	HĐ636	31/12	DT bán hàng HĐ636	131		34.512.000
31/12	PT194	31/12	DT bán hàng HĐ637	1111		30.062.800
31/12	HT	31/12	KC DT bán hàng hóa năm 2012	911	1.653.109.243	
			Cộng phát sinh		1.653.109.243	1.653.109.243
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8 : Sổ chi tiết TK 5112

Công Ty CP DV TM và VT Thùì Dương
17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: **5112**

Tên tài khoản: Doanh thu dịch vụ vận tải

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
....
30/11	HĐ563	30/11	DT dịch vụ lưu kho hàng HĐ 563	131		900.000
30/11	HĐ564	30/11	DT dịch vụ bốc xếp HĐ 564	131		600.000
30/11	HĐ565	30/11	DT cước vận chuyên HĐ 565	131		3.500.000
5/12	HĐ569	5/12	DT cước vận chuyên HĐ 569	131		22.727.273
....
31/12	HĐ631	31/12	DT dịch vụ HĐ 631	131		440.000
31/12	HĐ632	31/12	DT bốc xếp đóng gói palet gỗ HĐ632	131		31.680.000
31/12	HĐ633	31/12	DT cước vận chuyên HĐ633	131		20.000.000
31/12	HT	31/12	KC DT dịch vụ vận tải năm 2012	911	10.010.847.275	
			Cộng phát sinh		10.010.847.275	10.010.847.275
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung: Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

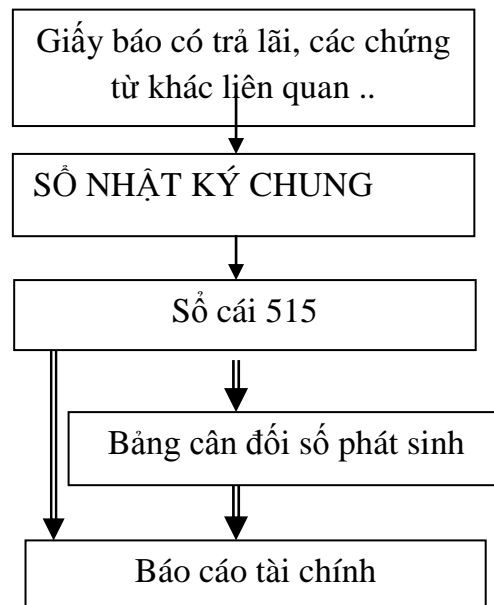
TK 112: Tiền gửi ngân hàng

- **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có trả lãi
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
 =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 Công ty nhận giấy báo có trả lãi của Ngân Hàng VP Lê Chân về lãi tiền gửi tháng 12.2012 được hưởng là 328.682

Căn cứ vào GBC trả lãi kế toán lập phiếu hạch toán ghi nhận lãi tiền gửi VPB tháng 12. Từ phiếu hạch toán kế toán ghi sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515.

Biểu số 2.9 : Giấy báo có trả lãi

Ngân hàng VPBank Lê Chân

Ngày 31/12/2012

MS thuế: 0100233583-040

PHIẾU BÁO CÓ TRẢ LÃI

Kính gửi: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Hiện nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng như sau:

Số tài khoản: 4500927

Số tiền bằng số: 328.682 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng chẵn.

Nội dung: Lãi tiền gửi tháng 12 tại ngân hàng VPbank Lê Chân

Lập phiếu

Kiểm soát

(đã ký)

(đã ký)

Biểu số 2.10 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Nhận lãi tiền gửi VPB tháng 12	1121VP	515	328.682
Cộng			328.682

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
31/12	PX05/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ636	6321 156	27.808.733	27.808.733
31/12	PX06/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ637	6321 156	28.190.665	28.190.665
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi VPB tháng 12	1121VP 515	328.682	328.682
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi GPB tháng 12	1121GP 515	11.778	11.778
31/12	HT	31/12	Kc DT hoạt động tài chính năm 2012	515 911	4.792.884	4.792.884
.....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.12 : Sổ cái TK 515

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
....
30/11	HT	30/11	Nhận lãi tiền gửi GP Lê Chân tháng 11	1121GP		1.717
30/11	HT	30/11	Nhận lãi tiền gửi NH No trần phú tháng 11	1121NoTP		6500
30/11	HT	30/11	Nhận lãi tiền gửi VP Lê Chân tháng 11	1121VP		79.229
25/12	HT	25/12	Nhận lãi tiền gửi ABB tháng 12	1121ABB		220.298
29/12	HT	29/12	Nhận lãi tiền gửi OCB tháng 12	1121OCB		8930
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi VPB tháng 12	1121VP		328.682
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi GPB tháng 12	1121GPB		11.778
31/12	HT	31/12	Nhận lãi tiền gửi No TP tháng 12	1121 NoTP		52.000
31/12	HT	31/12	KC DT HĐ tài chính năm 2012	911	4.792.884	
			Cộng số phát sinh		4.792.884	4.792.884
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

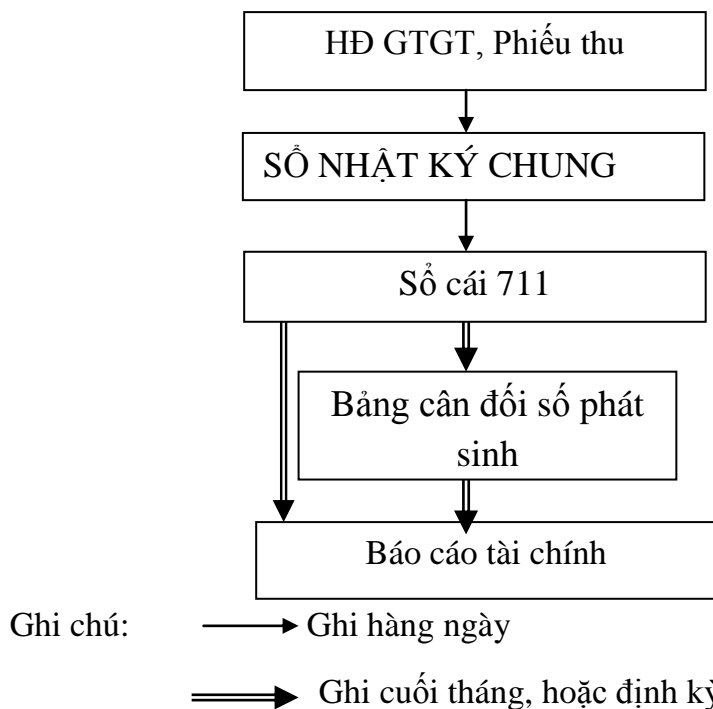
2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập khác

• **Nội dung:**

- Thu từ nhượng bán thanh lý tài sản cố định
- Các khoản thu khác

- **Chứng từ sử dụng**
 - HĐ GTGT
 - Phiếu thu
 - Chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng**
 - TK 711: Thu nhập khác
- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 711.

Cuối kỳ, từ sổ cái lập bảng cân đối phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 26/12/2012 công ty tiến hành thanh lý xe đầu kéo 15C03470, nguyên giá 186.363.636, đã khấu hao 23.295.456. Bán chưa thu tiền 150.000.000, đã bao gồm thuế VAT 10%

Căn cứ vào quyết định bán xe, kế toán lập hóa đơn GTGT số 0000595. Từ HĐ GTGT số 0000595, kế toán viết vào nhật ký chung và sổ cái 711.

Biểu số 2.13 : Quyết định bán xe

CÔNG TY CPDV TM & VT THUYỀN DỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số : 01/12 QĐ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

“Bán xe ô tô”

-Căn cứ vào luật Thương mại Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005 có hiệu lực.

-Căn cứ vào quyền hạn của Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Thương mại và Vận tải Thủy Dờng.

NAY QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I

Bán chiếc xe đầu kéo BKS :15C03470 cho CÔNG TY TNHH VẬN TẢI ĐẠT GIANG

Địa chỉ: Số 55/5/47 A, Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền

Tài khoản:

Điện thoại :

MST: 0201116491

Đại diện: Ông /Bà : **Vũ Tùng Linh** Chức vụ: giám đốc

ĐIỀU II

Các phòng ban chức năng có trách nhiệm bàn giao các thủ tục giấy tờ liên quan đến xe ô tô

ĐIỀU III

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và đ- ợc lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý nh- nhau.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

L- u: - Văn phòng 01 bản

-Giao bên mua 01 bản

Biểu số 2. 14 : Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

Giá Trị Gia Tăng

Ký hiệu: AA/12P

Liên 3: Nội bộ

Số: 0000595

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

Đơn vị bán hàng : Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Địa chỉ : Số 17 phố Hồ Sen, P.Trại Cau, Q. Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản : 4500927

Điện thoại : 031.3848747

MST : 0200785806

Họ tên người mua hàng : Vũ Tùng Linh

Tên đơn vị : Công ty TNHH vận tải Đạt Giang

Địa chỉ : Số 55/5/47 A, Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền

Số tài khoản :

Hình thức thanh toán :

MST : 0201116491

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Xe đầu kéo 15 C03470	cái	1	136.363.636	136.363.636
Cộng tiền hàng					136.363.636
Thuế suất thuế GTGT 10 %				Tiền thuế GTGT	13.636.364
Tổng cộng tiền thanh toán					150.000.000

Số tiền viết bằng chữ: một trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị.

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
26/12	HD595	26/12	DT bán xe 15C 03470 HD595	131 711	136.363.636	136.363.636
26/12	HD595	26/12	Thuế GTGT HD595	131 3331	13.636.364	13.636.364
26/12	HT	26/12	KC CP khấu hao xe 15C 03470	214 211	23.295.456	23.295.456
26/12	HT	26/12	KC giá trị còn lại xe 15C 03470	811 211	163.068.180	163.068.180
26/12	HD596	26/12	DT bán xe 15C 02967 HD 596	131 711	181.818.182	181.818.182
26/12	HD596	26/12	Thuế GTGT HD596	131 3331	18.181.818	18.181.818
....
31/12	HT	31/12	Kc DT khác năm 2012	711 911	780.909.091	780.909.091
....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.16 : Sổ cái TK 711

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 711: Thu nhập khác

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
10/03	HĐ456	10/03	DT bán xe ô tô 15C 01613	131		136.363.636
....
18/09	HĐ333	18/09	DT bán xe Romooc 16R5031	131		90.909.091
26/12	HĐ595	26/12	DT bán xe 15C 03470	131		136.363.636
26/12	HĐ596	26/12	DT bán xe 15C 02967	131		181.818.182
31/12	HT	31/12	KC DT khác năm 2012	911	780.909.091	
			Cộng số phát sinh		780.909.091	780.909.091
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, chi phí khác

2.2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

- **Chứng từ sử dụng:**
 - Phiếu xuất kho
 - Các chứng từ liên quan

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 632: Giá vốn hàng bán

- TK6321: Giá vốn hàng bán gạch
- TK6322: Giá vốn vận tải
- TK6323: Giá vốn xe
- TK6324: Giá vốn làm hàng TNTX

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất
- Các chứng từ khác có liên quan

- **Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

+ Đối với giá vốn hàng hóa:

Công ty tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp tính giá đích danh, hàng hóa nhập giá nào sẽ xuất giá đó.

+ Đối với giá vốn dịch vụ vận tải:

Khi phát sinh chi phí vận tải (bao gồm dầu diezen, tiền lương trả cho lái xe, tiền vé cầu phà, sửa chữa nếu có) công ty tập hợp và ghi vào sổ chi tiết tài khoản 1541. Cuối năm kết chuyển một lần từ tài khoản 1541 sang 6322 để xác định chi phí vận tải được thể hiện ở phiếu hạch toán kết chuyển.

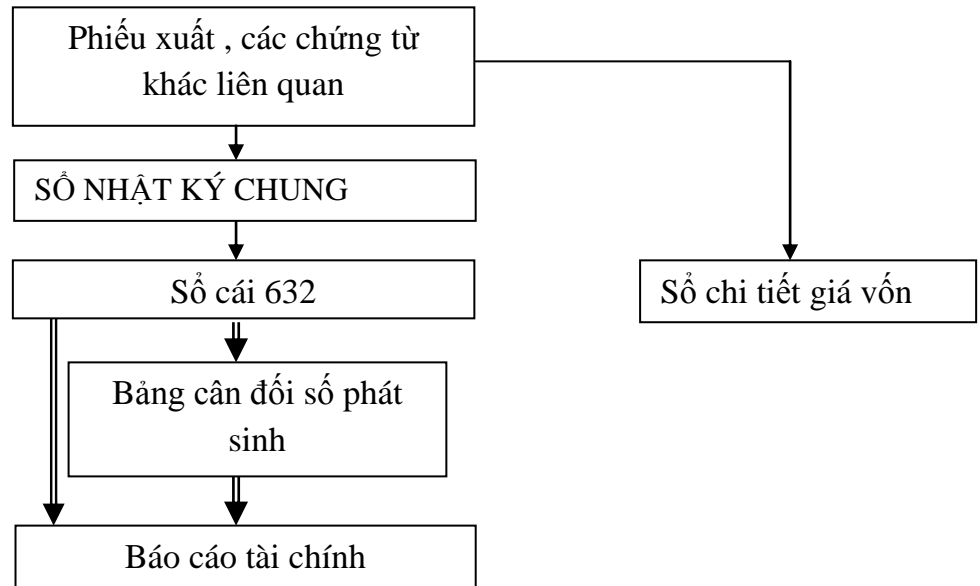
+ Đối với giá vốn bán xe: Công ty cũng tính giá vốn xuất kho theo phương pháp giá đích danh, xe mua về giá nào thì sẽ bán ra với giá đó.

+ Đối với giá vốn làm hàng tạm nhập tái xuất:

Khi phát sinh các chi phí: nâng hạ hàng, phí chứng từ, phí lệnh giao hàng.. liên quan đến hàng tạm nhập tái xuất, công ty cũng tập hợp và ghi vào sổ chi tiết tài khoản 1542. Cuối năm kết chuyển một lần từ tài khoản 1542 sang tài khoản 6324 để xác định chi phí làm hàng tạm nhập tái xuất được thể hiện ở phiếu hạch toán kết chuyển.

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú: —→ Ghi hàng ngày

==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Ví dụ: Ngày 31/12/2012. Xuất hàng bán lẻ với giá bán chưa thuế VAT 10% là 30.062.800, thu bằng tiền mặt.

Kế toán lập phiếu xuất kho 06/12. Căn cứ vào phiếu xuất kho 06/12, để ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ cái 632 và sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Biểu số 2.17 : Phiếu xuất kho

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số 02-VT

17 Hồ Sen-Trại Cau –Lê Chân-HP (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 Tháng 12 năm 2012

Số: 06/12

Nợ: 6321

Đơn vị/ Họ và tên:

Có: 1561

Địa chỉ:

Theo chứng từ số: HĐ 637

Xuất tại kho: Kho của công ty

STT	Tên hàng, qui cách	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch men BM 3060	M2	18.54	215.600	3.997.224
2	Gạch men BM 2540	M2	26,7	115.818	3.092.341
3	Gạch t/anh P87702	Hộp	21	464.291	9.750.111
4	Gạch t/anh P87702	Hộp	10	464.291	4.642.910
5	Gương DQ103	cái	2	123.290	246.580
6	Sen BFV1003-2	cái	5	937.300	4.686.500
7	Bê tông Vina	cái	5	355.000	1.775.000
	Cộng				28.190.666

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

Kế toán

Thủ kho

Người nhận

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2012 kế toán căn cứ vào số liệu trong sổ chi tiết TK 1541 để lập phiếu hạch toán kết chuyển đối với chi phí vận tải.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18

Công ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S38-DN

Số 17 Hồ Sen- Trại Cau- Lê Chân-HP

(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1541

Tên tài khoản: Chi phí vận tải

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		243.057.959	
...
27/12	PC760	27/12	Lốp xe HĐ2242	1111	17.045.454	
28/12	PC767	28/12	Dầu nhờn HĐ645	1111	15.272.727	
28/12	HĐ224	28/12	Sửa xe ô tô HĐ224	331	104.800.000	
29/12	PC772	29/12	Lốp xe HĐ2260	1111	18.163.636	
31/12	HĐ10696	31/12	Dầu dienzen HĐ10696	331	1.015.645.175	
31/12	HĐ10696	31/12	Dầu nhớt HĐ HĐ10696	331	1.575.459	
31/12	HT	31/12	Hạch toán lương bộ phận vận T12	334	48.000.000	
31/12	HT	31/12	Kc chi phí vận tải năm 2012	911		8.680.726.243
			Cộng phát sinh		9.299.133.019	8.680.726.243
			Số dư cuối kỳ		861.464.735	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu số 2.19 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí vận tải năm 2012	6322	1541	8.680.726.243
Cộng			8.680.726.243

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau –Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
31/08	PX08/12	31/08	GV xe52R1379	6323 1563	195.454.545	195.454.545
31/08	HĐ311	31/08	DT bán xe52R1379	131 5114	195.454.545	195.454.545
31/08	HĐ311	31/08	Thuế GTGTHĐ311	131 3331	19.545.455	19.545.455
...
31/12	PX 05/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ 636	6321 1561	27.808.733	27.808.733
31/12	PX 06/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ 637	6321 1561	28.190.666	28.190.666
....
31/12	HT	31/12	Kc chi phí vận tải năm 2012	6322 1541	8.680.726.243	8.680.726.243
31/12	HT	31/12	Kc chi phí làm hàng TNTX năm2012	6324 1542	478.310.379	478.310.379
31/12	HT	31/12	KC GV hàng hóa năm 2012	911 6321	1.406.324.801	1.406.324.801
31/12	HT	31/12	KC GV vận tải năm 2012	911 6322	8.680.726.243	8.680.726.243
31/12	HT	31/12	KC GV xe năm 2012	911 6323	205.454.545	205.454.545
31/12	HT	31/12	KC GV làm hàng TNTX năm 2012	911 6324	478.310.379	478.310.379
.....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21 : Sổ cái TK 632

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau –Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 632: Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
05/01	PX01/1	05/1	GV hàng bán HĐ354	1561	5.421.000	
11/1	PX02/1	11/1	GV hàng bán HĐ355	1561	3.486.500	
...
31/12	PX05/12	31/12	GV hàng bán HĐ636	1561	27.808.733	
31/12	PX06/12	31/12	GV hàng bán HĐ637	1561	28.190.666	
31/12	HT	31/12	Kc CP vận tải năm 2012	1541	8.680.726.243	
31/12	HT	31/12	Kc CP làm hàng TNTX năm 2012	1542	478.310.379	
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng hóa năm 2012	911		1.406.324.801
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn vận tải năm 2012	911		8.680.726.243
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn xe năm 2012	911		205.454.545
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn làm hàng TNTX năm 2012	911		478.310.379
			Cộng số phát sinh		10.770.815.968	10.770.815.968
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22

Công ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S38-DN

Số 17 Hồ Sen- Trại Cau- Lê Chân-HP

(Ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321

Tên tài khoản: Giá vốn hàng hóa

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
15/12	PX01/12	15/12	Giá vốn hàng bán HĐ572	1561	93.605.050	
18/12	PX03/12	18/12	Giá vốn hàng bán HĐ577	1561	4.454.750	
31/12	PX04/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ635	1561	20.682.480	
31/12	PX05/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ636	1561	27.808.733	
31/12	PX06/12	31/12	Giá vốn hàng bán HĐ637	1561	28.190.666	
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng bán năm 2012	911		1.406.324.801
			Cộng số phát sinh		1.406.324.801	1.406.324.801
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán Chi phí quản lý kinh doanh

- **Nội dung:**

Chi phí quản lý kinh doanh là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí văn phòng phẩm, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế phí, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản cháy nổ..) chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị, công tác phí)

- **Chứng từ sử dụng:**

- HĐ GTGT
- Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương

- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan

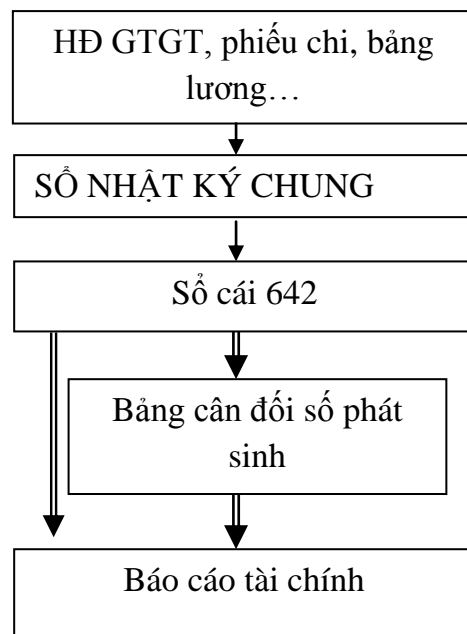
- **Tài khoản sử dụng:**

TK 642_ “Chi phí quản lý kinh doanh”

-TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính

Ví dụ 1: Chi ngày 31/12/2012 chi tiếp khách số tiền 4.445.700 chưa bao gồm thuế VAT 10%, thanh toán bằng tiền mặt

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 4807, kế toán lập PC775 . Từ phiếu chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642.

Biểu số 2.23 : Hóa đơn giá trị gia tăng số 10696

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT3/001
Giá Trị Gia Tăng	Ký hiệu: AA/12P
Liên 2	Số: 0004807
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	
Đơn vị bán hàng : Nhà hàng Hải Đăng	
MST	: 0200573859
Địa chỉ	: Số 16 lô 3B Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền , Hải Phòng
Số tài khoản	:
Điện thoại	: 0313.606955
Họ tên người mua hàng :	
Tên đơn vị	: Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương
Địa chỉ	: Số 17 Hồ Sen, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng
Số tài khoản	:
Hình thức thanh toán	: tiền mặt
	MST : 0200785806

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3= 1*2
1	Tiếp khách				4.445.700
Cộng tiền hàng					4.445.700
Thuế suất thuế GTGT 10 %			Tiền thuế GTGT	444.570	
Tổng cộng tiền thanh toán					4.890.270

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng chẵn.

Người mua hàng (đã ký)	Người bán hàng (đã ký)	Thủ trưởng đơn vị. (đã ký)
-----------------------------------	-----------------------------------	---------------------------------------

Biểu số 2.24: Phiếu chi 775

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số 02-TT

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số : 775

Nợ : TK 642,133

Có : TK 111

Người nhận tiền : Nhà hàng Hải Đăng

Địa chỉ: Số 16 lô 3B Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền , Hải Phòng

Lý do chi: Chi tiếp khách

Số tiền : 4.890.270

(*Viết bằng chữ*):*bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng chẵn*

Kèm theo:.....01..... chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>	<i>(đã ký)</i>

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
08/12	PC713	08/12	Cước điện thoại HĐ1254413	6422 111	33.162	33.162
08/12	PC713	08/12	Thuế GTGT HĐ1254413	133 111	3316	3316
08/12	PC714	08/12	Cước điện thoại HĐ1254366	6422 111	2.159.177	2.159.177
08/12	PC714	08/12	Thuế GTGT HĐ1254366	133 111	215.917	215.917
...
31/12	PC775	31/12	Chi tiếp khách HĐ4807	6422 111	4.445.700	4.445.700
31/12	PC775	31/12	Thuế GTGT HĐ4807	133 111	444.570	444.570
...
31/12	HT	31/12	HT lương VP tháng 12.2012	6422 334	32.788.462	32.788.462
31/12	HT	31/12	Trích KH tháng 12	6422 2141	25.096.978	25.096.978
31/12	HT	31/12	Kc CPQL năm 2012	911 6422	1.045.350.053	1.045.350.053
....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.26 : Sổ cái TK 642

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
8/1	PC07	8/1	Cước điện thoại	1111	52.883	
8/1	PC08	8/1	Cước điện thoại	1111	1.167.164	
...	
31/12	PC775	31/12	Chi tiếp khách HĐ4807	1111	4.445.700	
....	
31/12	HT	31/12	HT lương VP tháng 12	334	32.788.462	
31/12	HT	31/12	Trích KH tháng 12	2141	25.096.978	
31/12	HT	31/12	Kc CP QL năm 2012	911		1.045.350.053
			Cộng số phát sinh		1.045.350.053	1.045.350.053
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

- **Nội dung:** Chủ yếu là lãi vay phải trả ngân hàng
- **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

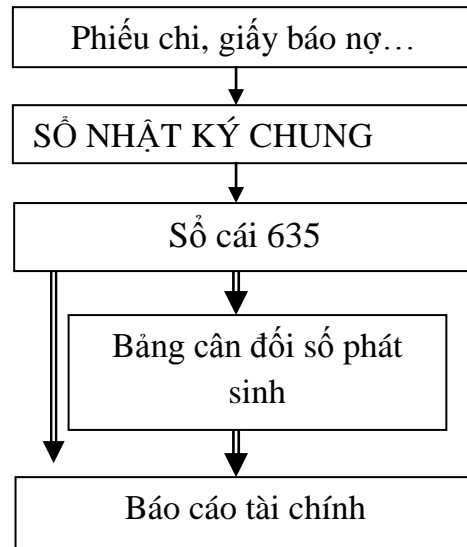
- **Tài khoản sử dụng:** TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Trong đó: TK 6351: Chi phí lãi vay

TK 6352: Chi phí tài chính khác

• Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

 ==> Ghi cuối kì

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi ở nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 635. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 25/12/2012. Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng VP Bank Lê Chân về việc trả lãi vay số tiền là 5.664.667 đồng.

Căn cứ vào giấy báo nợ, kế toán lập phiếu hạch toán. Từ phiếu hạch toán kế toán ghi vào nhật ký chung và sổ cái 635.

Biểu số 2.27 : Giấy báo nợ

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Ngân hàng VP Bank

Số 300 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THÙY DƯƠNG

Địa chỉ: Số 17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Tài khoản số: 4500927

Nội dung: Lãi vay tháng 12

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI
TK NỢ:
TK CÓ:

Số tiền: 5.664.667

Viết bằng chữ: Năm triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng.

Số phụ	Kế toán	Kế toán trưởng	Giám đốc
(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)	(đã ký)

Biểu số 2.28:

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Trả lãi vay ngắn hạn VPB	635	1121VP	5.664.667
Cộng			5.664.667

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DV TM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
25/12	HT	25/12	Trả lãi vay ngắn hạn ABB	6351 1121AB	1.458.333	1.458.333
25/12	PT191	25/12	Rút tiền tại VPB	1111 1121VP	820.000.000	820.000.000
25/12	HT	25/12	Trả lãi vay ngắn hạn VPB	6351 1121VP	5.664.667	5.664.667
26/12	PC756	26/12	Cước điện thoại HD1045206	6422 1111	5.297.880	5.297.880
....
31/12	HT	31/12	Kc CP lãi vay năm 2012	911 6351	643.785.926	643.785.926
31/12	HT	31/12	Kc CP tài chính khác năm 2012	911 6352	27.137.521	27.137.521
....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.30 : Sổ cái TK 635

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 635: Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
4/1	HT	4/1	Trả lãi vay NH GP LêChân	1121GP	3.833.333	
....
25/12	HT	25/12	Trả lãi vay ngắn hạn ABB	1121AB	1.458.333	
25/12	HT	25/12	Trả lãi vay ngắn hạn VPB	1121VP	5.664.667	
...
31/12	HT	31/12	Kc CP lãi vay năm 2012	911		643.785.926
31/12	HT	31/12	Kc CP tài chính khác năm 2012	911		27.137.521
			Cộng số phát sinh		670.923.447	670.923.447
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động khác

- **Nội dung:** Chi phí khác của các doanh nghiệp gồm:
 - Bị phạt thuế
 - Hạch toán giá trị còn lại thanh lý nhượng bán
 - Các khoản chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng:**

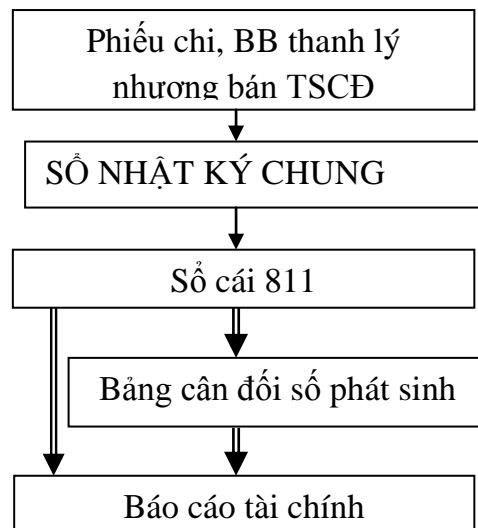
- Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chứng từ khác có liên quan

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 811: Chi phí khác

- **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ cái TK 811. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 26/12/2012 công ty tiến hành thanh lý xe đầu kéo 15C03470, nguyên giá 186.363.636, đã khấu hao 23.295.456. Bán chưa thu tiền 150.000.000, đã bao gồm thuế VAT 10%

Căn cứ vào biên bản thanh lý, kế toán lập phiếu hạch toán, từ phiếu hạch toán kế toán ghi vào sổ nhật ký chung và sổ cái 811

Biểu số 2.31: Biên bản thanh lý

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

Số: 06

Nợ: 811, 214/ Có: 211

Căn cứ vào quyết định số 01/12 ngày 26 tháng 12 năm 2012 của ban giám đốc công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương về việc thanh lý TSCĐ

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

-Ông: Mai Văn Đệ. Chức vụ: Tổng giám đốc

-Bà: Trần Thu Hương. Chức vụ: Kế toán

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

-Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: xe đầu kéo 15C03470

-Số hiệu TSCĐ:

-Nước sản xuất (xây dựng): Nhật Bản

-Năm sản xuất: 2010 Năm đưa vào sử dụng: 2012

-Nguyên giá TSCĐ: 186.363.636

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 23.295.456

-Giá trị còn lại của TSCĐ: 163.068.180

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ:

-Xe đầu kéo 15C 03470 vẫn hoạt động bình thường.

-Đã hoàn thành xong việc thanh lý tài sản cố định.

Trưởng ban thanh lý

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

(ký tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

Chi phí thanh lý TSCĐ: 0 (viết bằng chữ):

Giá trị thu hồi: 150.000.000 (viết bằng chữ): một trăm năm mươi triệu đồng chẵn

Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 26 tháng 12 năm 2012

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

(ký tên)

(ký tên)

Biểu số 2.32 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 26 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
Giá trị còn lại xe 15C03470	811	211	163.068.180
Hao mòn lũy kế xe 15C03470	214	211	23.295.456
Cộng			186.363.636

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.33 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
26/12	HĐ595	26/12	DT bán xe 15C 03470 HĐ595	131 711	136.363.636	136.363.636
26/12	HĐ595	26/12	Thuế GTGT HĐ595	131 3331	13.636.364	13.636.364
26/12	HT	26/12	KC CP khấu hao xe 15C 03470	214 211	23.295.456	23.295.456
26/12	HT	26/12	KC giá trị còn lại xe 15C 03470	811 211	163.068.180	163.068.180
26/12	HĐ596	26/12	DT bán xe 15C 02967 HĐ 596	131 711	181.818.182	181.818.182
26/12	HĐ596	26/12	Thuế GTGT HĐ596	131 3331	18.181.818	18.181.818
26/12	HT	26/12	KC CP khấu hao xe 15C 02967	214 211	303.571.431	303.571.431
26/12	HT	26/12	KC giá trị còn lại xe 15C 02967	811 211	124.999.998	124.999.998
...
31/12	HT	31/12	KC chi phí khác năm 2012	911 811	776.749.701	776.749.701
....
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.34 : Sổ cái TK 811

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 811: Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
10/3	HT	10/3	HT giá trị còn lại xe 15C 01613	2111	197.272.727	
15/5	HT	15/5	HT giá trị còn lại vỏ container	2111	35.000.000	
31/8	HT	31/8	HT giá trị còn lại xe 16R 5031	2111	125.505.050	
...
26/12	HT	26/12	HT giá trị còn lại xe 15C03470	2111	163.068.180	
26/12	HT	26/12	HT giá trị còn lại xe 15C02967	2111	124.999.998	
31/12	HT	31/12	Kc CP khác năm 2012	911		776.749.701
			Cộng số phát sinh		776.749.701	776.749.701
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm

2012 Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

• **Tài khoản sử dụng:**

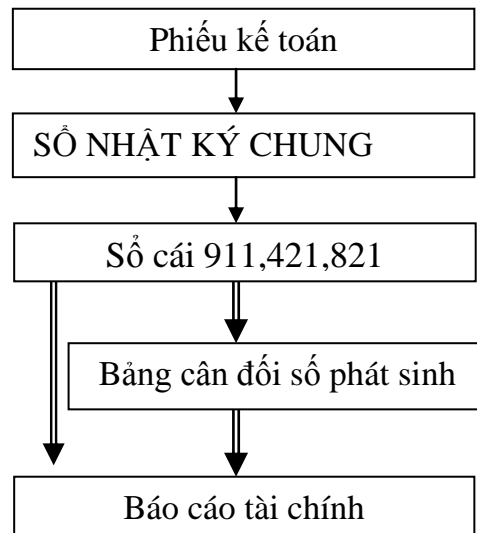
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

• **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

• **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

Cuối năm kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán, kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ cái và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 kế toán thực hiện tính toán kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2012.

Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác - Giá vốn - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh - Chi phí khác.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 12.544.357.036 đ
- Doanh thu hoạt động tài chính: 4.792.884 đ
- Giá vốn hàng bán: 10.770.815.968 đ
- Chi phí tài chính: 670.923.447 đ
- Chi phí quản lý kinh doanh: 1.045.350.053 đ
- Thu nhập khác: 780.909.091 đ

- Chi phí khác: 776.749.701 đ

Kết quả kinh doanh = 12.544.357.036 - 10.770.815.968 + 4.792.884 - 670.923.447 - 1.045.350.053 + 780.909.091 - 776.749.701 = 66.219.842

Kết quả kinh doanh = 66.219.842 > 0 → lãi

Thuế TNDN phải nộp = 66.219.842 x 25% = 16.554.961

Lợi nhuận sau thuế = 66.219.842 - 16.554.961 = 49.664.881

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung rồi ghi vào sổ cái 911 và các sổ cái khác liên quan. Từ sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh rồi lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.35:

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu bán hàng hóa (gạch, TBVS)	5111	911	1.653.109.243
Cộng			1.653.109.243

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.36

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu dịch vụ vận tải	5112	911	10.010.847.275
Cộng			10.010.847.275

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.37

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu dịch vụ XNK hàng hóa	5113	911	630.400.518
Cộng			630.400.518

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.38 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu bán xe	5114	911	250.000.000
Cộng			250.000.000

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.39 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.792.884
Cộng			4.792.884

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.40 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c thu nhập khác	711	911	780.909.091
Cộng			780.909.091

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.41 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn hàng hóa gạch	911	6321	1.406.324.801
Cộng			1.406.324.801

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.42 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn vận tải	911	6322	8.680.726.243
Cộng			8.680.726.243

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.43 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn xe	911	6323	205.454.545
Cộng			205.454.545

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.44 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c giá vốn hàng TNTX	911	6324	478.310.379
Cộng			478.310.379

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.45 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí lãi vay	911	6351	643.785.926
Cộng			643.785.926

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.46 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí tài chính khác	911	6352	27.137.521
Cộng			27.137.521

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.47 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí quản lý kinh doanh	911	6422	1.045.350.053
Cộng			1.045.350.053

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.48 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí khác	911	811	776.749.701
Cộng			776.749.701

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.49 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c chi phí thuế TNDN năm 2012	8211	3334	16.554.961
Cộng			16.554.961

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.50 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c thuế TNDN năm 2012	911	8211	16.554.961
Cộng			16.554.961

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu số 2.51 :

Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU HẠCH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	SHTK		Số tiền
	Nợ	Có	
K/c lãi năm 2012	911	421	49.664.881
Cộng			49.664.881

Người lập

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.52 : Sổ Nhật ký chung

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03a-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2012

ĐVT: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....
31/12	HT	31/12	Kc DT bán hàng	5111 911	1.653.109.243	1.653.109.243
31/12	HT	31/12	Kc DT vận tải	5112 911	10.010.847.275	10.010.847.275
31/12	HT	31/12	Kc DT làm hàng TNTX	5113 911	630.400.518	630.400.518
31/12	HT	31/12	Kc DT bán xe	5114 911	250.000.000	250.000.000
31/12	HT	31/12	Kc thu nhập khác	711 911	780.909.091	780.909.091
31/12	HT	31/12	Kc DT HĐ tài chính	515 911	4.792.884	4.792.884
31/12	HT	31/12	Kc CP vận tải	6322 1541	8.680.726.243	8.680.726.243
31/12	HT	31/12	Kc CP làm hàng TNTX	6324 1542	478.310.379	478.310.379
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng bán gạch	911 6321	1.406.324.801	1.406.324.801
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn vận tải	911 6322	8.680.726.243	8.680.726.243
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn xe	911 6323	205.454.545	205.454.545
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng TNTX	911 6324	478.310.379	478.310.379
31/12	HT	31/12	Kc chi phí lãi vay	911 6351	643.785.926	643.785.926
31/12	HT	31/12	Kc CP tài chính khác	911 6352	27.137.521	27.137.521
31/12	HT	31/12	Kc CP quản lý kinh doanh	911 6422	1.045.350.053	1.045.350.053
31/12	HT	31/12	Kc CP khác	911 811	776.749.701	776.749.701
31/12	HT	31/12	CP thuế TNDN phải nộp năm 2012	8211 33344	16.554.961	16.554.961
31/12	HT	31/12	Kc thuế TNDN năm 2012	911 8211	16.554.961	16.554.961
31/12	HT	31/12	Kc lãi năm 2012	911 421	49.664.881	49.664.881
			Tổng cộng		150.188.111.136	150.188.111.136

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.53 : Sổ cái TK 911

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương

Mẫu số S03b-DNN

17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng (Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 911: xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong năm			
31/12	HT	31/12	Kc DT bán hàng	5111		1.653.109.243
31/12	HT	31/12	Kc DT vận tải	5112		10.010.847.275
31/12	HT	31/12	Kc DT làm hàng TNTX	5113		630.400.518
31/12	HT	31/12	Kc DT bán xe	5114		250.000.000
31/12	HT	31/12	Kc DT khác	711		780.909.091
31/12	HT	31/12	Kc DT HĐ tài chính	515		4.792.884
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng bán	6321	1.406.324.801	
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn vận tải	6322	8.680.726.243	
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn xe	6323	205.454.545	
31/12	HT	31/12	Kc giá vốn hàng TNTX	6324	478.310.379	
31/12	HT	31/12	Kc CP lãi vay	6351	643.785.926	
31/12	HT	31/12	Kc CP tài chính	6352	27.137.521	
31/12	HT	31/12	Kc CP quản lý	6422	1.045.350.053	
31/12	HT	31/12	Kc chi phí khác	811	776.749.701	
31/12	HT	31/12	CP thuế TNDN năm 2012	8211	16.554.961	
31/12	HT	31/12	Kc lãi năm 2012	421	49.664.881	
			Cộng số phát sinh		13.330.059.011	13.330.059.011
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.54 : Sổ cái TK 821

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương
17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh trong năm			
31/12	HT	31/12	CP thuế TNDN phải nộp năm 2012	3334	16.554.961	
31/12	HT	31/12	Kc thuế TNDN năm 2012	9111		16.554.961
			Cộng số phát sinh		16.554.961	16.554.961
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 2.55 : Sổ cái TK 421

Công Ty CP DVTM và VT Thùy Dương
17 Hồ Sen-Trại Cau -Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>180.027.345</u>
			Số phát sinh trong năm			
4/9	PC304	4/9	Nộp phạt vi phạm hành chính thuế	1111	7.130.000	
4/9	PC304	4/9	Nộp truy thuế GTGT, TNDN, môn bài	1111	28.880.000	
31/12	HT	31/12	Kc lãi năm 2012	911		49.664.881
			Cộng số phát sinh		36.010.000	49.664.881
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>193.682.226</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI THÙY DƯƠNG.

3.1 Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

3.1.1: Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán phát huy được hiệu quả tối đa. Kế toán viên đảm nhận chức năng nhiệm vụ riêng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.
- Bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý hoạt động hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiên nhiệm. Bộ phận kế toán gồm có ba người: một kế toán trưởng, một nhân viên kế toán và một thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn (từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại chi nhánh công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.
- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng hơn. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- **Về chứng từ kế toán và các tài khoản kế toán sử dụng:**

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính qui định. Quy -trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng đầy đủ hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính, không chỉ mở tài khoản cấp 1 mà còn mở tài khoản cấp 2. Ví dụ: 5111, 5112, 5113, 5114

- **Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:**

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này khá đơn giản từ mẫu sổ sách đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho công tác ghi chép, quản lý kế toán của công ty.

- Các sổ kế toán được mở đầy đủ theo hình thức Nhật ký chung, được ghi chép theo đúng chế độ, khoa học đảm bảo được yêu cầu quản lý về đối chiếu kiểm tra từ đó tránh những sai sót.

- **Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty:**

- **Về hạch toán doanh thu:** mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo theo đúng chế độ hiện hành và nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Về hạch toán chi phí:** Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế giá đích danh là hoàn toàn phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty. Tất cả các chi phí phát sinh được cập nhật đầy đủ vào sổ sách công ty và được hạch toán theo đúng chuẩn mực hiện hành.

- **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

Cuối năm, kế toán viên hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh theo đúng chế độ hiện hành và lập báo cáo tài chính để trình lên giám đốc. Nhờ sự hỗ trợ của đội ngũ kế toán nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, kết quả về hoạt động kinh doanh cả công ty luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương còn có những mặt hạn chế sau:

3.1.2.1. Về chứng từ sử dụng:

Hiện nay, công ty chưa đánh số cho các phiếu hạch toán kỳ dẫn tới khó khăn trong việc tìm kiếm, kiểm tra nếu như muốn xem lại.

3.1.2.2. Về tài khoản sử dụng:

Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 6422 dẫn đến việc hạch toán chi phí không chi tiết rõ ràng.

3.1.2.3. Về sổ sách sử dụng:

- Hiện nay, công ty chưa mở sổ chi tiết cho TK 6422 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh.
- Công ty chưa mở bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và bảng tổng hợp giá vốn hàng bán gây khó khăn trong việc đối chiếu với sổ cái.

3.1.2.4 Về qui trình luân chuyển chứng từ

Công ty chưa có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ dẫn tới việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ.

3.1.2.5 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi chi nhánh công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích

được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.6 Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn. Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn thì sẽ không kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm chậm khả năng tiêu thụ hàng.

3.1.2.7 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phân nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà -quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.
- Với nhân viên kế toán thì mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt làm báo cáo tài chính rất vất vả.

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.

3.2.2.1 Hoàn thiện chứng từ kế toán

Công ty nên đánh số phiếu hạch toán theo tháng để dễ theo dõi và kiểm tra. Các phiếu hạch toán niên độ đánh số theo nguyên tắc liên tục từng tháng, mỗi tháng đánh lại từ đầu.

Ví dụ: PHT 01/01, PHT 01/02....

3.2.2.2 Hoàn thiện tài khoản sử dụng

Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 6422 sẽ giúp cho việc hạch toán chi phí được chi tiết, rõ ràng. Sau đây em xin mở tài khoản chi tiết cho TK 6422 như sau: TK 6422- “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- TK 64221_ Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64222_ Chi phí vật liệu quản lý

- TK 64223_ Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 64224_ Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64225_ Thuế, phí và lệ phí
- TK 64226_ Chi phí dự phòng
- TK64227_ Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK64228_ Chi phí bằng tiền khác

3.2.2.3 Hoàn thiện sổ sách sử dụng

Công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 6422 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại công ty. Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.1:

Đơn vị
Địa chỉ:

Mẫu số S18-DNN
(Ban hành theo GD số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 154,631,642,142,242,632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Ghi Nợ tài khoản..				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Ghi Có TK						
			Cộng SPS trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

-Sổ này có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

-Ngày mở sổ:....

Ngày...tháng...năm....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Em xin lập sổ như sau:

Biểu số 3.2:

Công ty CP DVTM và VT Thùy Dương
Số 17- Hồ Sen – Trại Cau- Lê Chân- HP

Mẫu số S18-DN
(Ban hành theo GD số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các 154,631,642,142,242,632)

-Tài khoản: 6422

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đ/ư	Tổng số tiền	Ghi Nợ tài khoản..						
	Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra						
						64221	64222	64223	64224	64225	64227	64228
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	
			Số dư đầu kỳ		-	-	-	-	-	-	-	
			Số phát sinh trong kỳ									
...	
8/9	PC311	8/9	Lệ phí đăng ký xe 15LD00224	1111	150.000					150.000		
....	
26/12	PC756	26/12	Cước điện thoại	1111	5.297.880						5.297.880	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

			HĐ1045206									
...
30/12	PC775	30/12	Chi tiếp khách HĐ4807	1111	4.445.700							4.445.700
30/12	PC776	30/12	Thanh toán chi phí văn phòng phẩm T12	1111	2.050.000		2.050.000					
30/12	PC777	30/12	Ổ cứng máy tính HĐ1924	1111	1.317.000			1.317.000				
31/12	HT	31/12	Hạch toán lương văn phòng T12	334	32.788.462	32.788.462						
...						
31/12	HT	31/12	Trích khấu hao tháng 12	2141	25.096.978				25.096.978			
			Ghi Có TK 6422	911	1.045.350.053							
			Cộng SPS trong kỳ		1.045.350.053	487.653.848	13.250.000	27.178.820	205.330.405	12.630.000	88.449.710	210.857.270
			Số dư cuối kỳ		-	-		-	-	-	-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Công ty nên mở bảng tổng hợp doanh thu và bảng tổng hợp giá vốn để thuận tiện cho việc đối chiếu với sổ cái. Em xin đưa mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.3:

BẢNG TỔNG HỢP

TK

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1					
2					
3					
4					

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Em xin lập sổ như sau:

Biểu số 3.4:

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK 632

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giá vốn hàng bán gạch	1.406.324.801	1.406.324.801	
2	6322	Giá vốn vận tải	8.680.726.243	8.680.726.243	
3	6323	Giá vốn xe	205.454.545	205.454.545	
4	6324	Giá vốn làm hàng TNTX	478.310.379	478.310.379	
		Cộng	10.770.815.968	10.770.815.968	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 3.5:

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

TK 511

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số hiệu TK	Tên sản phẩm	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	5111	Doanh thu hàng hóa	1.653.109.243	1.653.109.243	
2	5112	Doanh thu vận tải	10.010.847.275	10.010.847.275	
3	5113	Doanh thu XNK hàng hóa	630.400.518	630.400.518	
4	5114	Doanh thu bán xe	250.000.000	250.000.000	
		Cộng	12.544.357.036	12.544.357.036	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

3.1.2.4 Về quy trình luân chuyển chứng từ

Để hạn chế việc mất mát hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa các phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Sau đây, em xin đưa ra mẫu phiếu giao nhận chứng từ

Biểu số 3.5

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương

Số 17- Hồ Sen- Lê Chân- HP

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

3.2.2.5 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho chi nhánh công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

- Phương pháp xác định:

- Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng.

Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- + Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.

- + Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- + Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- + Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng chiết khấu theo thời gian.

- Phương pháp hạch toán chiết khấu thanh toán:

- Tài khoản sử dụng TK 635-“ Chi phí hoạt động tài chính”

- Phương pháp hạch toán:

B1: Khi phát sinh nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, ghi:

Nợ TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111,112,131

B2: Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản xác định kết quả hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có 635: Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

3.2.2.6 Về việc áp dụng chiết khấu thương mại (đối với lĩnh vực kinh doanh hàng hóa)

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Hiện nay không có văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.
- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khi thanh toán tiền hàng cho khách hàng doanh nghiệp phải xuất hóa đơn chiết khấu thương mại, lập phiếu chi tiền theo đúng quy định cho khách hàng.
- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Phương pháp hạch toán:

Tài khoản sử dụng: TK 5211_ Chiết khấu thương mại

Phương pháp hạch toán:

B1: Khi phát sinh chiết khấu thương mại ghi:

Nợ TK 5211: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131, 111, 112:

B2: Cuối năm, kết chuyển số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK5211: Chiết khấu thương mại

3.2.2.7 Về việc sử dụng phần mềm kế toán

Thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của nhân sự làm gia tăng giá trị chất lượng trong mắt đối tác, khách hàng.

Ưu điểm của việc sử dụng phần mềm kế toán máy trong hạch toán kế toán:

- Ít tốn thời gian: Phần mềm kế toán được thiết kế giúp các doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác. Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán.
- Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể là do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ đầu.

- Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng dễ dàng.

- Đối với ban quản lý:

- Tiết kiệm được thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo
- Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.
- Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.
- Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, thông tin, hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính.

- Đối với bộ phận kế toán tài chính:

- Thực hiện các chức năng kế toán quản trị phục vụ yêu cầu của ban lãnh đạo
- Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định
- Có được giải pháp, quy trình chuẩn và kế toán tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của bộ tài chính và pháp luật Việt Nam.
- Có thể trả lời nhanh các câu hỏi của lãnh đạo liên quan đến con số như: doanh thu, chi phí, lãi-lỗ, tiền tại quỹ, ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa....
- Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.

- Đối với các bộ phận khác:

Quan hệ giữa các phòng trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh, phối hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, CYBER ACCOUNTING.... Công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình.

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

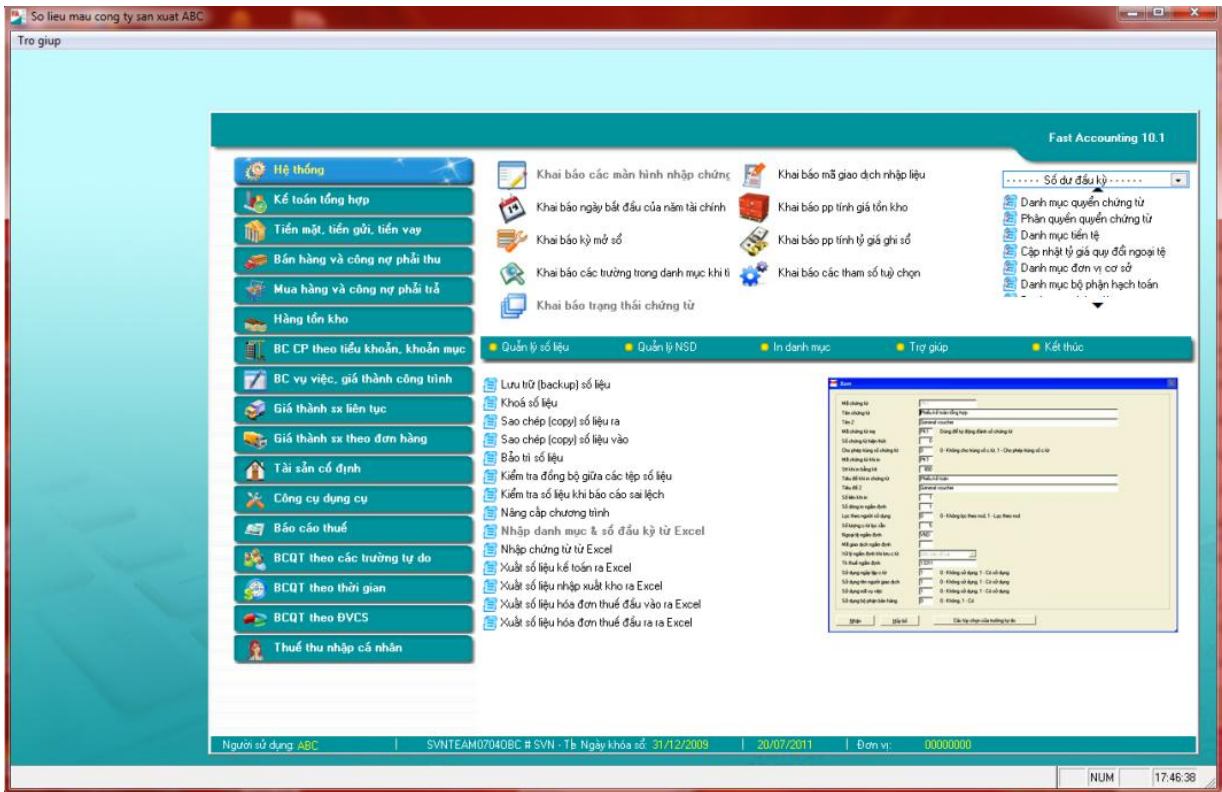
- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012**



Chức năng:

Phần mềm kế toán gồm có 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán và vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo nghị định 51/2010/NĐ-CP

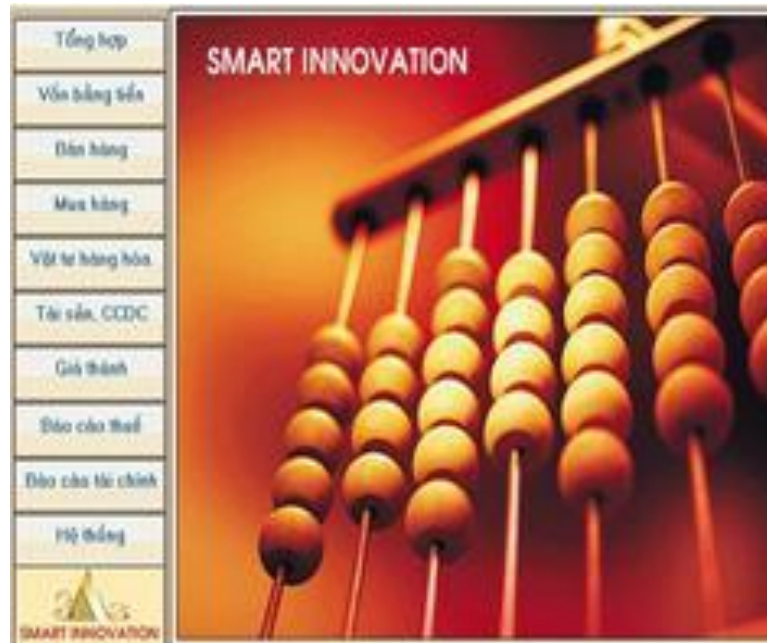
• Phần mềm kế toán FAST



Chức năng:

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 10.1) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm..), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt..). Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

- **Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1.Pro**



Chức năng:

Phần mềm kế toán SAS INNOVA 6.8.1 Pro có rất nhiều tính năng nổi trội như: cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với các chức năng “copy” chứng từ, tạo vào in phiếu thu, in phiếu xuất ngay trên hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên hóa đơn mua hàng, chuyển các chứng từ nhập chỉ bằng 1 kích chuột, giao diện Anh- Việt, báo cáo thuế theo thông tư 60, báo cáo tài chính theo quyết định 15 hoặc 48, tích hợp mã vạch 2 chiều vào tờ khai thuế.

Ngoài ra, phần mềm này được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của bộ tài chính như Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC, thông tư 60/2007/TT-BTC hướng dẫn kê khai thuế, thông tư 127/2004/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2004 về việc sửa đổi bổ sung thông tư 84/2004/TT-BTC và thông tư 120/2003/TT-BTC.. Với sản phẩm này, người dùng chỉ cần nhập các số liệu đầu vào phát sinh, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin quản trị, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp để biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Khóa luận: “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương” đã nêu được các vấn đề nhận thức về kế toán doanh thu, kế toán chi phí quản lý và xác định kết quả kinh doanh của và phản ánh được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải Thùy Dương.

Sau gần 2 tháng thực tập tại công ty, em đã đưa ra một số ý kiến với mục đích nhằm hoàn thiện thêm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty, khắc phục những hạn chế. Những kiến nghị này tuy còn mang màu sắc lý thuyết song em hi vọng sẽ có tác dụng với công tác kế toán tại công ty.

Do thời gian thực tập có hạn, nhận thức về bản thân còn hạn chế nên khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được chỉ bảo, ý kiến đóng góp từ phía thầy cô, nhà trường, ban giám đốc và phòng kế toán tại công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo- thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các chị trong phòng kế toán tại công ty Thùy Dương đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp

Hải phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Vũ Thị Kim Chi